|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 26/08/2024  Ngày dạy:…………….. | BGH ký duyệt  Ngày 04 tháng 09 năm 2024 |

**BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ**

**(Số tiết: 13 tiết)**

**(Từ tiết 1 – 13)**

***(Đọc văn bản 7 tiết, Thực hành Tiếng Việt 2 tiết, Viết 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)***

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Về năng lực:**.

- Nhận biết được một số yêu cầu của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

- Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều

suy nghĩ và tình cảm sâu sắc.

- Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách.

**2. Về phẩm chất*:*** Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm. Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các mạch trong chủ đề** | | **Thiết bị dạy học, học liệu** | **Chuẩn bị của học sinh** |
| **Đọc** | **Nội dung 1**: Giới thiệu tri thức ngữ văn, tìm hiểu văn bản: *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.  - Máy chiếu, máy tính (bảng phụ) | -Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.  - Có những hiểu biết về các nhân vật lịch sử. |
| **Nội dung 2:** Thực hành tiếng Việt | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác | Thực hiện phần “Chuẩn bị” trong SGK, đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung thực hành TV |
| **Nội dung 3:** Văn bản: *Quang Trung đại phá quân Thanh* | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác.  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến văn bản truyện | -Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.  -Sưu tầm những câu chuyện lịch sử |
| **Nội dung 4:** Thực hành tiếng Việt | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác | - Thực hiện phần “Chuẩn bị” trong SGK, đọc kĩ phần **Định hướng**trong nội dung thực hành TV. |
| **Nội dung 5:** Văn bản:  *Ta đi tới* và hướng dẫn Thực hành đọc | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng, dụng cụ khác.  - Một số video, tranh ảnh liên quan đến văn bản | -Đọc và soạn bài theo yêu cầu của giáo viên.  -Sưu tầm những câu chuyện lịch sử |
| **Viết** | Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, dụng cụ khác | - Đọc kĩ yêu cầu của bài văn kể lại một chuyến đi tham một di tích lịch sử.  - Định hướng trong nội dung Viết.  - Đọc bài viết tham khảo. |
| **Nói và nghe** | Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử). | - SGK, SGV, phiếu học tập  - Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, dụng cụ khác | - Chuẩn bị bài và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV  (Đọc kĩ phần Định hướng trong nội dung Nói và Nghe trong SGK) |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**III. 1. ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 1- 2-3: Nội dung 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

Trích, *Nguyễn Huy Tưởng*

**I. Hoạt động 1: Mở đầu**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b. Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ: Đi tìm chân dung các thiếu niên anh hùng**

Mỗi hình ảnh và thông tin dưới đây là gợi ý về một thiếu niên anh hùng trong lịch sử dân tộc ta. Hãy quan sát hình ảnh, theo dõi các thông tin và cho biết đó là vị anh hùng nào?

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học:** Chúng ta vừa mới đi qua một vài chân dung trong cuộc hành trình đi tìm chân dung các thiếu niên anh hùng. Có biết bao nhiêu những con người được lịch sử ghi lại, được nổi danh, tên họ đã thành tên đường, tên phố, tên xóm, tên làng và cũng có biết bao nhiêu những người anh hùng khác nữa- những anh hùng thiếu niên vô danh cũng đã ngã xuống, cũng đã cống hiến và hy sinh cho độc lập tự do, cho sự phát triển của đất nước, dân tộc mình. Ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu một câu chuyện cũng rất xúc động về một người anh hùng thiếu niên như vậy nhưng thời gian của lịch sử đẩy chúng ta về xa thời kỳ trung đại, của thời kỳ phong kiến, của những năm tháng đất nước đã sục sôi trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên mông lần thứ hai của thời kỳ nhà Trần: **LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn  d) Tổ chức hoạt động: | **A.TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN** |
| - Sử dụng phần mềm Powerpoint, ralo  - Kĩ thuật/Phương pháp:động não, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK trang 9  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TRUYỆN LỊCH SỬ** | | | | **Khái niệm** | |  | | **Đặc điểm** | Bối cảnh |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Hình thức |  | | Ngôn ngữ |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:** | **1. Khái niệm**  Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định.  **2. Đặc điểm** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TRUYỆN LỊCH SỬ** | | | | **Khái niệm** | | Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định. | | **Đặc điểm** | **Bối cảnh** | Là tình hình chính trị của đất nước, là khung cảnh sinh hoạt của con người... ở thời kỳ lịch sử mà câu chuyện xảy ra.  Bối cảnh này được tạo nên nhờ những hiểu biết về lịch sử kết hợp với khả năng hư cấu, tưởng tượng và cách miêu tả sinh động của các nhà văn. Cũng chính điều này đã khiến cho buổi cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động, chân thực như đang diễn ra. | | **Cốt truyện** | Cốt truyện trong truyện lịch sử sẽ dựa trên **hệ thống các sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc** đã xảy ra. Từ đó nhà văn sẽ **tái tạo, hư cấu và sắp xếp chúng theo ý đồ nghệ thuật** của mình để thể hiện chủ đề, tư tưởng nào đó. | | **Nhân vật** | Có thể là những nhân vật lấy nguyên mẫu từ các nhân vật lịch sử, cũng có thể do tác giả hư cấu, sáng tạo nên. Nhân vật chính thường là các nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân...Tuy vậy, lựa chọn nhân vật nào, xây dựng tính cách nhân vật ra sao lại phụ thuộc vào ý đồ nghệ thuật của nhà văn, thể hiện cái nhìn và cách lý giải riêng của nhà văn về lịch sử. Nhân vật cũng được đặt trong nhiều vai trò, nhiều mối quan hệ khác nhau. | | **Hình thức** | Truyện lịch sử có thể viết bằng văn xuôi hoặc văn vần, truyện ngắn hoặc tiểu thuyết. | | **Ngôn ngữ** | Vì cần tái hiện bối cảnh cụ thể của một thời đại đã qua nên ngôn ngữ tác phẩm thường mang đậm sắc thái lịch sử. Sắc thái này thể hiện qua các từ ngữ miêu tả sự vật, nhân vật, qua lời người kể chuyện và lời nói của các nhân vật. | | |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho học sinh đọc phân vai:  + Người kể chuyện  + Trần Quốc Toản  + Viên tướng  + Vua Thiệu Bảo  + Chiêu Thành Vương  + Chiêu Quốc Vương  - Chú ý đọc to, rõ ràng, thể hiện được thái độ, tình cảm của từng nhân vật.  - Sử dụng chiến lược: theo dõi, dự đoán và đối chiếu  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh qua bài tập nhanh: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào những chỗ trống sau:  (quốc biến, dã tâm, thượng lệnh, người hầu, chiêu binh mãi mã, nghi trượng, tôn thất, hội sư, vua, quốc gia)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS theo dõi sgk, làm bài tập nhanh  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - Câu hỏi làm theo dự án  **Nhóm 1,2** : Nêu hiểu biết về tác giả Nguyễn Huy Tưởng**(**năm sinh, quê quán, thiên hướng khai thác đề tài, thể loại, một số tác phẩm tiêu biểu…)  **Nhóm 3,4:** Nêu hiểu biết về tác phẩm, đoạn trích  **(**thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, nhân vật chính, đề tài, chủ đề, bố cục,tóm tắt đoạn trích…)  (Nêu các **sự việc chính** tạo nên cốt truyện cho văn bản **“Lá cờ thêu sáu chữ vàng”?** Em có nhận xét gì **cốt truyện** của văn bản này?)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả và thảo luận  - Đại diện các nhóm trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Dự kiến sản phẩm: Diễn biến sự việc:**  + Hoài Văn suốt ngày hôm trước dong duổi đi tìm vua, quên không ăn uống. Đến được bến Bình Than, chàng không được cho xuống thuyền tham dự hội nghị với các vương hầu. Đợi suốt từ sớm đến trưa, chàng nóng ruột xô mấy người lính Thánh Dực để xuốngthuyền vua nhưng bị quân lính vây kín.  + Nghe ồn ào, nhà vua cùng các vương hầu đều chú ý đến Hoài Văn. Chiêu Thành Vương (chủ của Hoài Văn) chạy tới khuyên nhủ cháu không được làm càn. Nghe Chiêu Thành Vương nói vẫn có người muốn hòa với giặc, Hoài Văn bất bình, chạy xồng xộc xuống bến tàu vua xin đánh giặc, “cho giặc mượn đường là mất nước”  + Chiêu Quốc Vương vốn là kẻ chủ hòa xin vua chém đầu Hoài Văn “để nghiêm quân lệnh”. Nhà vua ôn tồn nhắc nhở Hoài Văn không được “làm trái phép nước” nhưng cũng ghi nhận tấm lòng của chàng dành cho dân, cho nước nên không trừng trị, lại còn thưởng cho một quả cam trên mâm tiệc.  + Tuy vậy, vì chưa đến tuổi trưởng thành, Hoài Văn vẫn không được tham gia dự bàn việc nước. Chàng vừa hờn vừa tủi, quyết tâm trở về chiêu binh mãi mã để cầm quân đi đánh giặc báo ơn vua, đền nợ nước. Chẳng biết tự lúc nào, quả cam trong tay đã bị Hoài Văn bóp nát.  **Nhận xét về cốt truyện:**  + Cốt truyện được xây dựng dựa trên một sự kiện lịch sử có thật dưới triều Trần- Hội nghị Bình Than. **Đại Việt sử ký toàn thư** có ghi chép về sự kiện này như sau: “Mùa đông, tháng 10(11/1282), vua ngự ra bến Bình Than, đóng ở vụng Trần Xá họp vương hầu bách quan, bàn kế sách công thủ và chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu.”  **+** Các sự việc trong cốt truyện được trình bày theo trình tự thời gian. Những sự việc ấy được sắp xếp khéo léo để đẩy cao kịch tính, tăng thêm sức hấp dẫn cho câu chuyện. Ban đầu mới chỉ là xô xát giữa Hoài Văn và lính Thánh Dực, sau thành mẫu thuẫn với Chiêu Quốc Vương; từ mối quan hệ giữa anh em, chú cháu trong nhà, trong họ thành hành động “làm loạn phép nước”, vi phạm “quân lệnh” phải tội chém đầu. Sau cùng các mâu thuẫn ấy được hóa giải qua lời khẳng định của nhà vua, vừa có tình, vừa có lí.  + Bên cạnh mạch sự việc, cốt truyện còn có nhiều chi tiết thú vị, sinh động và giàu ý nghĩa. Như chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam vừa thể hiện tâm hồn trong sáng, bồng bột của chàng thiếu niên, vừa bộc lộ tình yêu nước sâu sắc, tinh thần quyết tâm đánh giặc cứu nước rất đáng được trân trọng và khâm phục.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động – Chốt kiến thức.  **BS**: Nhân vật chính của tác phẩm là Trần Quốc Toản, một thiếu niên thuộc dòng dõi nhà Trần, sớm mồ côi cha. Khi quân Nguyên lăm le sang cướp nước ta, do chưa đến tuổi trưởng thành, không được cùng vua và các vương hầu dự bàn việc đánh giặc, Trần Quốc Toản đã về xin mẹ được chiêu mộ binh lính, huấn luyện quân sĩ, dựng cờ lớn để sáu chứ “Phá cường địch báo hoàng ân” (Diệt giặc mạnh báo ơn vua), ra trận diệt giặc, lập nhiều chiến công. | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  - GV gọi HS đọc phân vai trước lớp.  - Giọng đọc: Đọc to, rõ ràng, thể hiện được thái độ, tình cảm của từng nhân vật.  b. Chú thích  **2. Tìm hiểu chung**  a. Tác giả  - Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960) quê ở Hà Nội.  - Thiên hướng khai thác đề tài: lịch sử  - Thể loại: tiểu thuyết và kịch  - Tác phẩm chính: Đêm hội Long Trì (1942); Vũ Như Tô (1943); An Tư (1944); Bắc Sơn (1946); Lá cờ thêu sáu chữ vàng (1960); Sống mãi với thủ đô (1961)...  b. Tác phẩm  - Thể loại: truyện lịch sử  - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1960, trong những năm cuối đời của tác giả  - Xuất xứ: Đoạn trích thuộc phần 3 của tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”  - Nhân vật chính: Trần Quốc Toản  - Đề tài: Lịch sử  - Chủ đề: Thể hiện tấm lòng yêu nước, căm thù giặc của người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản, qua đó cho thấy hào khí, tinh thần chống xâm lược của ông cha ta ở thời Trần  - Bố cục:  *+ Phần 1: Từ đầu... chẳng hỏi một lời*  🡪Bối cảnh diễn ra cuộc yết kiến vua  *+ Phần 2: Tiếp...thưởng cho em ta một quả*  🡪 Cuộc yết kiến vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản  *+ Phần 3: Còn lại*  Hành động của Trần Quốc Toản sau khi được vua ban cam quý  - Tóm tắt:  + Tại bến Bình Than, vua Trần và các vương hầu họp bàn kế sách đối phó với quần xâm lược.  + Vì chưa đủ tuổi, không được dự họp, Trần Quốc Toản cảm thấy nhục nhã, chỉ muốn gặp vua để bày tỏ chủ kiến của mình là không chấp nhận hoà hoãn.  + Do nóng lòng muốn gặp vua, Trần Quốc Toản định vượt qua hàng rào quân cấm vệ để đến nơi vua quan họp bàn; bị ngăn cản, đã xảy ra xung đột.  + Khi được gặp vua, Trần Quốc Toản nói to câu xin đánh. Vua Trần biết nỗi lòng vì nước của chàng, đã không trách phạt, còn ban thưởng một quả cam.  + Trần Quốc Toản quyết định trở vẽ quê chiêu mộ binh mã, thao luyện võ nghệ để xuất quần đánh giặc. Khi chàng xoè tay ra, quả cam đã bị bóp nát tự bao giờ. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Khám phá được nhân vật Trần Quốc Toản, vua Thiệu Bảo... Khám phá đặc điểm của truyện lịch sử. Rút ra ý nghĩa của văn bản và bài học cho bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  *Câu 1:Hãy cho biết câu chuyện dựa trên bối cảnh của sự kiện lịch sử nào?*  ***Câu 2:*** *Hãy tìm các chi tiết được dùng để miêu tả quang cảnh và không khí diễn ra hội nghị Bình Than? Em có nhận xét gì về khung cảnh này?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Câu 1:**Năm 1282, trước dã tâm xâm lược ngày càng trắng trợn của quân Nguyên: sứ giặc nghênh ngang giữa triều đình ta, đòi mượn đường Đại Việt để quân Nguyên tiến xuống phương nam diệt Chiêm Thành.  Nhân dân trong nước một lòng xin đánh giặc giữ nước. Trong hàng ngũ vương hầu, tướng lĩnh của triều đình, vẫn chưa có sự thống nhất về phương hướng chiến lược. Có người chủ kiến, có kẻ chủ hòa.  Vua Trần Nhân Tông tổ chức hội nghị quân sự ở bến Bình Than, họp các vương hầu, bản định chủ trương chiến- hòa, bảo vệ nền độc lập dân tộc. **Hội nghị Bình Than** có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất ý chí trong hoàng tộc, từ đó gây dựng sự đoàn kết, nhất trí làm hạt nhân cho sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc, đồng sức đồng lòng đánh giặc.  **Câu 2:Khung cảnh tại bến Bình Than:**  + Thuyền của nhà vua cùng các vương hầu tề tựu về bến Bình Than. Cảnh thuyền ngự của nhà vua là thuyền của các đại vương, tiếp đến là thuyền của các tước vương bậc dưới, rồi đến thuyền của tước hầu, cuối cùng là thuyền của tướng sĩ hộ vệ.  + Thuyền ngự của nhà vua sơn son thiếp vàng, cờ quạt, tàn vàng, tán tía và đồ nghi trượng uy nghiêm. Thuyền của các đại vương sơn đủ các màu, mui thuyền phất phới những lá cờ mang vương hiệu của chủ nhân. “Những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa.”  + Quân Thánh Dực canh gác nghiêm cẩn, không cho kẻ lạ lại gần khu vực bàn bạc việc quân.  + Từ trên bờ, nhìn qua chấn song cửa sổ thuyền rồng, thấy hình ảnh các vương hầu năm cùng nhà vua bàn việc nước. Biết ngoài, những người nội thị quỳ ở mui, dâng trầu cau, dâng trà, dâng thuốc.  **Nhận xét:**  Quang cảnh và không khí trang nghiêm tại bến Bình Than cho thấy nơi đây diễn ra sự kiện có tính chất quan trọng và bí mật, sự kiện này có liên quan mật thiết đến an nguy của đất nước.  Không gian được miêu tả từ bao quát đến cụ thể. Các chi tiết được miêu tả sinh động nhằm giúp người đọc có những hình dung chân thực nhất về không khí của thời đại và sự kiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Bối cảnh diễn ra câu chuyện**  **- Bối cảnh lịch sử:** Câu chuyện được kể xảy ra vào thời nhà Trần (thế kỉ XIII). Lúc bấy giờ, nước ta phải đối mặt với quân Nguyên - một đội quân xâm lược hết sức hùng mạnh. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:**  *Qua việc đọc văn bản và tìm hiểu chú thích về tác phẩm, em hãy cho biết lai lịch và xuất thân của Trần Quốc Toản? Trong văn bản, Trần Quốc Toản đứng trước tình huống như thế nào?*  **Dự kiến sản phẩm:**  \*\***Lịch lai lịch và xuất thân**  - Trần Quốc Toản là vương thất nhà Trần, mang tước Hoài Văn Hầu, cháu của Chiêu Thành Vương.  -> Là thành viên trong hoàng tộc, Quốc Toản có trách nhiệm đóng góp cho hoàng thất, cho triều đình( việc nhà)  - Quốc Toản mồ côi cha, sống với mẹ, tuổi còn niên thiếu (khoảng 15, 16 tuổi) khi giặc Nguyên lăm le xâm lược nước ta.  -> Là dân của một nước, Quốc Toản có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trước họa ngoại xâm (việc nước)  **\*Tình huống**  Vận nước lâm nguy, Quốc Toản muốn góp phần dự bàn việc nước, thể hiện ý nguyện đánh giặc bảo vệ tổ quốc. Nhưng chỉ là một chàng thiếu niên, Quốc Toản không được nhà vua cho tham gia bàn bạc việc quốc gia đại sự. Tìm đến tận bến Bình Than nhưng bị quân thánh Dực ngăn cản không cho xuống thuyền vua.  GV chia lớp thành 4 nhóm  **Nhóm 1:** Tìm hiểu về nhân vật Trần Quốc Toản : \* Trước khi yết kiến vua   |  |  | | --- | --- | | **Khi đứng trên bến Bình Than** | **Khi quân Thánh Dực ngăn xuống bến** | | - Hành động  - Suy nghĩ  -> Nhận xét | - Lời nói  - Hành động  -> Nhận xét |   **Nhóm 2:** Tìm hiểu về nhân vật Trần Quốc Toản : \* Khi yết kiến vua   |  |  | | --- | --- | | **Khi nói chuyện với Chiêu Thành Vương** | **Khi nói với vua Thiệu Bảo** | | - Hành động  - Suy nghĩ  -> Nhận xét | - Lời nói  -> Nhận xét |   **Nhóm 3:** Tìm hiểu về nhân vật Trần Quốc Toản : \* Sau khi yết kiến vua   |  | | --- | | - Hành động  - Suy nghĩ  - Lời nói  -> Nhận xét |   **Nhóm 4**: Tìm hiểu về nhân vật vua Thiệu Bảo :\* Tình huống giữa lí và tình  - Về lí:  - Về tình:  \* Cách xử lí tình huống:  -> Nhận xét  (Phiếu học tập kèm theo)  - Thời gian: 5 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm hoàn thành PHT, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **\*\*Hành động và suy nghĩ của Trần Quốc Toản**  **- Khi đã lên bờ**  + Hoài Văn “tức vừa hơn vừa tủi”, “quắc mắt lắm chặt bàn tay lại”, “ bàn tay rung lên vì giận dữ” vì vẫn không dự được dự bàn việc nước, lại nhận những tiếng cười của mấy vị vương hầu chỉ hơn chẳng vài tuổi, cả tiếng cười chế nhạo của đám quân Thánh Dực  + Chàng quyết tâm chiêu binh mãi mã, cầm quân đi đánh giặc để chứng tỏ mình không phải một kẻ “toi cơm”, để “báo được ơn vua”.  + Quả cam trong tay chàng đã nát bét từ lúc nào, chỉ còn trơ bã.  => Những suy nghĩ, hành động ấy thể hiện lòng yêu nước mãnh liệt, ý chí quyết chiến để báo ơn vua, đền nợ nước nhưng cũng là để thể hiện và khẳng định giá trị của bản thân mình. Cách thể hiện tình cảm hồn nhiên nhưng đáng quý, đáng trọng và đáng phục.  *? Nhận xét về nhân vật Trần Quốc Toản?*  - Trần Quốc Toản là hình ảnh chàng thiếu niên trẻ tuổi, sinh ra trong cảnh vận nước lâm nguy, đã sớm biết lo lắng cho giang sơn, xã tắc, thể hiện lòng yêu nước một cách nồng nhiệt, chân thành đầy mạnh mẽ và quả cảm.  - Chính những tình cảm và hành động ấy đã góp phần tạo nên người anh hùng dũng cảm chiến đấu, giết giặc, lập công dưới lá cờ thêu sáu chữ vàng trên chiến trường những năm về sau.  - Chân dung nhân vật Trần Quốc Toản cũng là hình ảnh tiêu biểu trong lớp lớp thiếu niên anh dũng, cho tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm từ bao đời nay của dân tộc ta.  ? Nhận xét về cách xây dựng nhân vật Trần Quốc Toản?  - Hình tượng Trần Quốc Toản được nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng dựa trên nguyên mẫu anh hùng thiếu niên Trần Quốc Toản trong lịch sử triều Trần. **Đại Việt sử ký toànthư** cùng **Khâm định Việt sử thông giám cương mục** có ghi: vào tháng 10 năm 1282, vua Trần Nhân Tông mở hội nghị Bình Than, cùng quan viên bàn kế chống quân Nguyên. Nhà vua thấy Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Trần Quốc Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn khích, tay cầm thanh kiếm, tay kia bóp nát quả cam lúc nào không hay  🡪 GV chốt: Tác giả sử dụng nghệ thuật độc thoại, đối thoại, ngôn ngữ mang đậm chất lịch sử, làm nổi bật tính cách, hình tượng nhân vật Trần Quốc Toản với khát khao cống hiến, đánh giặc, một lòng yêu nước nồng nàn cháy bỏng. Biết rằng phạm thượng sẽ gánh tội chết nhưng vẫn rất dũng cảm bày tỏ ước muốn đánh giặc của mình. Đó là tâm trạng của một người tuổi nhỏ mà chí lớn.  - Để hình tượng nhân vật trở nên sinh động và chân thực, tác giả đã sáng tạo ra các chi tiết miêu tả tâm trạng, suy nghĩ, cảm xúc, hành động của nhân vật. Đặc biệt, ông còn đặt Trần Quốc Toản trong một tình huống đầy thử thách và các mối quan hệ khác nhau để tính cách nhân vật được bộc lộ trọn vẹn và trở nên ấn tượng.  **Nhóm 4**: Tìm hiểu về nhân vật vua Thiệu Bảo :\* Tình huống giữa lí và tình  - Về lí:  - Về tình:  \* Cách xử lí tình huống:  -> Nhận xét  (Phiếu học tập kèm theo)  (Gợi ý: Chứng kiến hành động và nghe lời tâu bày của Trần Quốc Toản, vua Thiêụ Bảo có thái độ và cách xử lí như thế nào? Thái độ và cách xử lí đó cho thấy điều gì ở vị vua này? )  **Dự kiến sản phẩm:**  ***Nhân vật vua Trần Nhân Tông***  **Thái độ của nhà vua:**  Vua Nhân Tông “gật đầu, mỉm cười” bởi lời của Quốc Toản hợp ý vua. Nhà vua tán thành và hài lòng vì Quốc Toản tuổi còn nhỏ mà đã biết lo toan việc nước, có lòng dũng cảm, có trí sáng suốt nhận ra được âm mưu của giặc giả mượn đường mà cướp nước ta.  **Lời nói của nhà vua**:  + “Hoài Văn Hầu làm trái phép nước, tội ấy đáng lẽ không dung. Nhưng Hoài Văn còn trẻ, tình cũng đáng thương, lại biết lo cho vua, trong nước, chí ấy đáng trọng”.  + “Tất cả các vương hầu đến đây đều có phần cam. Chẳng lẽ Hoài Văn lại không được hưởng. Vậy thưởng cho em ta một quả.”  **Về lí:** hành động của Quốc Toản là trái phép nước, tội ấy khó dung->**đáng trách**. Những hành động ấy thể hiện tấm lòng người biết lo cho vua, cho nước->**đáng trọng**.  **Về tình:** Quốc Toản tuổi còn trẻ, không tránh khỏi những bồng bột, nông nổi->**đáng cảm thông**. Tình cảnh (cha mất sớm, thiếu người rèn cặp, dạy dỗ thường xuyên->**đáng thương**  **Hành động của nhà vua:**  Lấy quả cam ban thưởng cho Quốc Toản (như bao nhiêu vương hầu khác dự hội).=> Hành động vừa thể hiện sự ghi nhận, ngợi khen đồng thời như lời an ủi, động viên, khích lệ với tấm lòng, chí hướng của Quốc Toản.  =>Vua Nhân tông là vị minh quân, yêu nước, cũng là người đức độ, bao dung. Vừa biết lo toan việc nước vừa thu xếp việc nhà, việc họ để tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết đồng lòng để đánh giặc.  *?Nhân vật Chiêu Thành Vương đã có những lời nói như thế nào trước hành động xông xuống thuyền ngự của Hoài Văn?*  *? Thông qua lời nói của Chiêu Quốc Vương em thấy nhân vật này là người như thế nào*?  **- Hành động và lời nói:**  + Thay cha nuôi dạy Quốc Toản, bảo ban cháu học, làm những điều trung nghĩa.  + Giải thích cho cháu luỵ tới mọi người); khuyên cháu phân biệt việc nhà ( xuề xòa, thân mật thế nào cũng được)- việc nước (có tôn ti, phép tắc không thể coi thường), chỉ cho cháu thấy hậu quả (không những thân mang tội chết, còn liên làm điều đúng đắn (về quê thăm mẹ)  => Đó là hình ảnh của bậc trưởng thượng trong gia đình, yêu thương quan tâm dạy dỗ thế hệ sau.  **Nhân vật Chiêu Quốc Vương**  **- Hành động và lời nói:**  + Vốn là kẻ chủ hòa (sau này khi giặc sang xâm lược đã trở thành kẻ phản bội Tổ Quốc), Chiêu Quốc Vương “sầm nét mặt” khi nghe Quốc Toản thẳng thắn phê phán phe chủ hòa.  + Đề nghị nhà vua chém đầu Quốc Toản để “nghiêm quân lệnh”, trừng trị kẻ “làm loạn phép nước”.  => Ích tắc là kẻ lòng dạ hẹp hòi, ích kỷ, sợ hãi trước thế giặc mạnh, chỉ quan tâm bảo toàn lợi ích của bản thân mà không tính tới tồn vong của đất nước của nhân dân của xã tộc. Đó cũng là kẻ gian sảo, mượn việc công để báo thù riêng. | **2. Nhân vật**  **a. Nhân vật Trần Quốc Toản**  - **Xuất thân:** Chàng thiếu niên trẻ tuổi thuộc dòng dõi nhà Trần, cháu ruột của Chiêu Thành Vương.  **\*Trước khi yết kiến vua**  **\* \*Khi đứng trên bến Bình Than**  **- Hành động:**  + Nằn nì quân Thánh Dực mà vẫn không được xuống bến  + “thẫn thờ” nhìn bến Bình Than  + nhìn những lá cờ trên thuyên của các vương hầu đến “rách mắt”  **- Suy nghĩ**  + cảm thấy nhục nhã khi phải đứng rìa, không được dự họp  + ước ao được xuống thuyển rồng dự bàn việc nước và quỳ trước vua tâu một câu xin đánh  + muốn xô mấy người lính Thánh Dực để chạy xuống bến, nhưng sợ tội chém đầu.  + so sánh điều đang nung nấu trong lòng mình với sự đồng tâm nhất trí của các bô lão ở hội nghị Diên Hồng, khẳng định thêm ý nguyện đánh giặc  **🡪**Hoài Văn ao ước được bàn việc nước đến cháy bỏng; có chút “ganh tị” với những người anh em chỉ hơn mình mấy tuổi mà được dự họp; bức xúc vì phải đứng ngoài.  **\*\* Khi bị quân Thánh Dực ngăn xuống bến**  **- Lời nói:** “Không buông ra, ta chém!”  🡪 Đe dọa, cương quyết  **- Hành động:**  + “tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại”  + “đỏ mặt bừng bừng”  + “vung gươm múa tít”  + “giằng co với một đám quân Thánh Dực”  **🡪**Trần Quốc Toản bộc lộ sự bức xúc, nóng nảy, thiếu kiềm chế, điểu có thể dẫn đến nguy hiểm.  **\*Khi yết kiến vua**  **\*\* Khi nói chuyện với Chiêu Thành Vương**  **- Hành động:**  + “cúi đầu thưa”  + “đứng phắt dậy mắt long lên”  **- Lời nói:** Gấp gáp, cương quyết, thể hiện rõ lập trường “Ai chủ hòa? Ai chủ hòa? Cho nó mượn đường ư? Không biết đấy là kế giả đồ....”  **🡪**Sự suy nghĩ chín chắn của Trần Quốc Toản trước tình thế đất nước đối diện với hoạ ngoại xâm.  **\*\*Khi nói chuyện với vua Thiệu Bảo**  **- Hành động:**  + “chạy xồng xộc xuống bến”  + “quỳ xuống tâu vua”  + “tự đặt thanh gươm lên gáy và xin chịu tội”  **- Lời nói:** Tiếng nói như thét “Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước”  🡪 Yêu nước, căm thù giặc  🡪 Trần Quốc Toản mạnh mẽ, ngay thẳng, dám làm dám chịu, đặt vận mệnh đất nước cao hơn tính mạng bản thân.  **\* Sau khi yết kiến vua**  **- Hành động:**  + “đỡ lấy quả cam, tạ ơn vua, lủi thủi bước lên bờ”  + “quắc mắt, nắm chặt bàn tay lại”  + “hai hàm răng nghiến chặt”  + “hai bàn tay rung lên vì giận dữ”  + “hai bàn tay càng nắm chặt lại, nhưđể nghiền nát một cái gì”  + “hầm hầm trở ra”  **- Suy nghĩ:** “Ta sẽ chiêu binh mãi mã, cầm quân đánh giặc. Xem cái thằng đứng ngoài rìa này có phải là một kẻ toi cơm không?”  **- Lời nói:** “Rồi xem ai giết được giặc, ai báo được ơn vua, xem ai hơn, ai kém. Rồi triều đình sẽ biết tay ta.”; “Ta đã tâu với quan gia cho đánh. Quan gia ban cho ta quả cam này. Ơn vua lộc nước, ta đem về để biếu mẫu thân”  🡪 Không cam lòng, vừa hờn vừa tủi.  \* Hành động bóp nát quả cam:  + Thể hiện tính cách quyết liệt, kiên định, mạnh mẽ  + Thể hiện tinh thần yêu nước cháy bỏng và khát khao bảo vệ đất nước  => Trần Quốc Toản là hình ảnh chàng thiếu niên trẻ tuổi, sinh ra trong cảnh vận nước lâm nguy, đã sớm biết lo lắng cho giang sơn, xã tắc, thể hiện lòng yêu nước một cách nồng nhiệt, chân thành đầy mạnh mẽ và quả cảm.  - Chính những tình cảm và hành động ấy đã góp phần tạo nên người anh hùng dũng cảm chiến đấu, giết giặc, lập công dưới lá cờ thêu sáu chữ vàng trên chiến trường những năm về sau.  **b. Nhân vật vua Thiệu Bảo**  **- Tình huống đứng giữa lý và tình**  **+ Về lý:** Trần Quốc Toản làm trái phép nước 🡪 Khinh thường phép nước, phạm vào trọng tội, có thể bị chém đầu  **+ Về tình:** Trần Quốc Toản lo cho vua, cho nước 🡪 Đáng trọng, đáng được khen ngợi  **- Thái độ và cách ứng xử của nhà vua:**  + Mỉm cười gật đầu vì nhận thấy ý nguyện đánh giặc của Trần Quốc Toản hợp ý mình.  + Biết tội làm trái phép nước của Hoài Văn Hầu, nhưng tha thứ cho hành động nóng nảy. Đặc biệt nhà vua thấy chí khí đáng trọng của một người còn trẻ mà biết lo cho vua, cho nước.  + Vua khuyên giải, động viên Hoài Văn Hầu một cách nhẹ nhàng, ôn tồn, lại còn ban thưởng cam quý.  🡪 Vua vừa nghiêm minh, vừa khoan dung, độ lượng, thể hiện tư cách của đấng quần vương, đồng thời cũng là tư cách của người anh đối với đứa em họ chưa đến tuổi trưởng thành. Trên tất cả, nhà vua nhận ra phẩm chất đáng quý của một chàng trai trẻ trước hoạ đất nước bị xâm lăng.  *\*Chiêu Thành Vương*  + Thay cha nuôi dạy Quốc Toản, bảo ban cháu học, làm những điều trung nghĩa.  => Đó là hình ảnh của bậc trưởng thượng trong gia đình, yêu thương quan tâm dạy dỗ thế hệ sau. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi:**  *? Trong lời người kể chuyện đôi chỗ xen vào những ý nghĩ thầm kín của nhân vật Trần Quốc Toản. Hãy nêu một vài trường hợp và phân tích tác dụng của sự đan xen đó.*  *?Trong truyện này, ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử. Hãy nêu một số ví dụ và cho biết tác dụng.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.  GV nêu ví dụ:  Ví dụ, những câu in đậm sau đây là lời nói thầm kín trong lòng của Trần Quốc Toản xen vào giữa lời của người kể chuyện ngôi thứ ba:  *+ Thì ra các con trai của Hưng Đạo Vương đều đủ mặt. Những người em họ ấy, chẳng qua chỉ hơn Hoài Văn dăm sáu tuổi!* ***cha ta mất sớm, nên ta mới phải đứng rìa nhục nhã thế này****! Mắt Hoài Văn giương to đến rách, nhìn những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa.*  *+ Nó giả tiếng mượn đường, kỉ thực là để cướp sống lấy nước Nam, chỉ có việc đánh, làm gì phải kéo ra tận đây mà bàn đi bàn lại? Chao ôi! Lúc này mà Hoài Văn được xuống thuyền rồng và được bàn việc nước!*  *?Nhận xét chung về ngôn ngữ trong văn bản?*  - Văn bản đã sử dụng hệ thống các từ hán Việt để chỉ tứơc vị, cách xưng hô, đồ vật của hoàng thất kết hợp với các thành ngữ hán Việt chỉ điển tích, điển cố. Những ngôn ngữ mang đậm sắc thái cổ xưa này đã góp phần tạo nên bối cảnh trang trọng trong một giai đoạn lịch sử huy hoàng của nhà Trần. | **3. Ngôn ngữ**  **\*** Sự đan xen giữa ngôn ngữ nội tâm của nhân vật và ngôn ngữ của người kể chuyện:  Trong mạch kể của người kể chuyện ngôi thứ ba, bỗng nhiên xuất hiện lời của một nhân vật ở ngôi thứ nhất, hoặc nghe một giọng khác lạ cất lên, không thuộc giọng kể.  🡪 Sự đan xen này chứng tỏ người kể chuyện ngôi thứ ba đồng điệu, đổng cảm với nhân vật. Những ước vọng, tâm tư của nhân vật cũng chính là điểu mà người kể chuyện mong muốn  **\*** Ngôn ngữ đậm màu sắc lịch sử  - Ngôn ngữ người kể chuyện: những từ ngữ gọi đúng chức tước, địa vị, vật dụng,... của các nhân vật: *quan gia, đấng thiên tử, vương hầu, Hưng Đạo Vương, Chiêu Minh Vương, Chiêu Quốc Vương, Hoài Văn Hầu, quân Thánh Dực, thuyền ngự, đồ nghi trượng, ngươi nội thị,... 🡪*Đây là ngôn ngữ thuộc về một thời xa xưa trong lịch sử  - Ngôn ngữ nhân vật: cho thấy cách nói năng của con người thời xưa, ví dụ*“Quân pháp vô thân, hầu không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng khinh thường phép nước, anh em tất phải chiếu theo thượng lệnh”; “Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này’”.*  🡪 Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật mang màu sắc lịch sử như vậy thể hiện chân thực, sắc nét thực tại đời sống và nét riêng của từng nhân vật, qua đó làm nổi bật chủ đề của tác phẩm. |
| **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ đậm màu sắc lịch sử  - Đan xen nhuần nhuyễn lời người kể chuyện và ý nghĩ nhân vật  **2. Nội dung**  - Ca ngợi chí khí, tấm lòng yêu nước của anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản  - Ca ngợi khí thế hào hùng của ông cha ta thời kháng chiến chống quân Nguyên - Mông |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập 1:**

*- GV phát cho HS phiếu học tập Viết kết nối với đọc, hướng dẫn và yêu cầu HS thực hiện đoạn văn*

*- HS thực hiện viết đoạn văn theo gợi dẫn của GV*

****

**Bài tập 2:** Giáo dục ANQP

? Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” đã gợi lên trong em suy nghĩ gì về công cuộc giữ nước của cha ông ta trong kháng chiến chống quân Nguyên – Mông xâm lược?

* HS suy nghĩ trả lời nhận xét.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Cách 1: - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động: Diễn viên tài ba.*

- Chia lớp thành 2 nhóm

- Yêu cầu: Hs sân khấu hóa đoạn trích

- Thời gian trình bày tiểu phẩm: 5 phút

*HS thảo luận, phân vai, dựng cảnh và diễn xuất*

*Cách 2: GV tổ chức hoạt động “Kết nối văn học”*

*- Chia lớp thành 2 nhóm*

*- Yêu cầu: Hs tìm các câu thơ về các nhân vật lịch sử trong văn bản.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ví dụ 1:

“Phá cường địch, báo hoàng ân”  
Cờ hiệu tung bay giữa bụi trần  
Bóp nát quả cam, đòi đánh giặc  
Dựng cờ tụ nghĩa, quyết ra quân  
Bạch Đằng chém tướng, uy danh Việt  
Trận chiến diệt binh, xuất nhập thần  
Quốc Toản, thiếu niên ngời dũng khí  
Danh thơm truyền tụng mãi muôn Xuân”

Ví dụ 2:

“Quốc Toản là người có tài

Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền

Mấy lần đánh thắng quân Nguyên

Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung

Thật là một đấng anh hùng

Trẻ con nước Việt nên cùng noi theo”

(Lịch sử nước ta).

**\* Rút kinh nghiệm**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 4 Nội dung 2:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chứchoạt động:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, đặt câu hỏi.

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát các từ được tô đậm trong mỗi cặp câu dưới đây, sau đó hãy cho biết từ nào được hiểu theo nghĩa thông thường, từ nào không hiểu được hiểu theo nghĩa thông thường?

a)

(1) Thực đơn bữa sáng là bắt phở bò nóng hổi ăn cùng **quẩy** vàng ươm.

(2) Vào ngày khai giảng, bên cạnh hình vẽ, các bạn còn được **quẩy** hết mình trong phần hội.

b)

(1)Chiếc bánh **gatô** được trang trí vô cùng sinh động và bắt mắt.

(2) Người ta thắng cũng thắng rồi, mình không nên **gatô** với họ.

c)

(1)**Bão** về, người dân miền Trung lại ở mặt với cảnh mắc màn trời chiếu đất.

(2)Đêm qua mọi ngả đường đều chật kín người đi **bão** khi đội tuyển bóng đá quốc gia giành chiến thắng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs liệt kê

**\* Báo cáo kết quả:**Hs báo cáo

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học : Ta n**hận ra qua 3 ví dụ bên trên ta thấy rằng có những từ được sử dụng rất là quen thuộc trong lời ăn tiếng nói hằng ngày, trong các văn bản được ghi lại và cố định các nét nghĩa ở trong quyển từ điển tiếng Việt . Bên cạnh đó lại có những từ ngữ mới xuất hiện trong kho tàng tiếng Việt, trong ngôn ngữ tiếng Việt, trong lời ăn tiếng nói hằng ngày nhưng nó chỉ được sử dụng ở trong một phạm vi của một không gian nhất định, của một tầng lớp xã hội mà thôi thì những cái từ ngữ đó sẽ tạo ra những nét nghĩa mới cũng rất sinh động – một hiện tượng thú vị của ngôn ngữ . Hiện tượng này được gọi là gì chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về chính các hiện tượng ngôn ngữ thú vị đó ở trong bài học ngày hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs Nhận biết và xác định đặc điểm của biệt ngữ xã hội  b) Tổ chức hoạt động: | **1. Nhận biết và xác định đặc điểm của biệt ngữ xã hội** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm | Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ có đặc điểm riêng (về ngữ âm, ngữ nghĩa) hình thành trên những qui ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. |
| **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1:**  **a**) Giải nghĩa từ in đậm trong câu thơ sau và nhận xét về phạm vi sử dụng và hình thức ngữ âm của các từ ngữ đó.  Anh đi công tử không “**vòm**”  Ngày mai “**kện rệp**” biết “ **mòm**” vào đâu”.  ( Nguyên Hồng)  **b)** Giải nghĩa từ in đậm trong câu sau và nhận xét về nghĩa của từ ngữ đó trong sự so sánh với nghĩa vốn có của từ ngữ ( trong từ điển)  “Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu “**ngửi khói**”.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**  + **vòm:** là nhà  **+ kện rệp:** là hết gạo  **+ mòm:** là ăn   * Các từ này với nghĩa tương ứng như trên chỉ dùng trong giới giang hồ, bọn lưu manh, trộm cắp đầu thế kỷ 20. * Các từ “**kện rệp**”, “ **mòm**” có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, trong vốn từ tiếng Việt chưa có. Từ “vòm” có trong tiếng việt nhưng mang nghĩa khác   + “**ngửi khói**” nghĩa vốn có: dùng mũi để nhận biết mùi khói.  + “**ngửi khói**”(nghĩa trong câu văn): tụt lại phía sau. =>Nghĩa của từ ngữ trong câu văn đã có sự khác biệt so với nghĩa vốn có của từ ngữ dù hình thức ngữ âm vẫn giống nhau.  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |
| ? Qua phântích ví dụ,em hãy nêu đặc điểm của biệt ngữ xã hội? | + Biệt ngữ xã hội có đặc điểm riêng về mặt ngữ âm (các từ chưa có trong từ vựng tiếng Việt).  + Biệt ngữ xã hội cũng có thể là các từ đã có trong vốn từ tiếng việt nhưng được sử dụng với nghĩa khác.  + Do có những đặc điểm khác biệt như vậy, nên khi viết, các biệt ngữ xã hội sẽ được đưa vào dấu ngoặc kép hoặc được in nghiêng và được chú thích về nghĩa. |
| a) Mục tiêu: Hs nhận biết tác dụng và phạm vi sử dụng biệt ngữ xã hội  b) Tổ chức hoạt động:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo  - Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 2:**  Xác định biệt ngữ xã hội và giải nghĩa của chúng trong các trường hợp sau.  a) Mình nghĩ là tôi “chém gió” nên cậu ấy không tin.  b) Hắn ta chỉ anh hùng bàn phím thôi chứ thực tế chả làm được gì.  c) Phú ghẻ “nổ” một tràng khiến Cường tắt dài. Nó nghệt mặt một hồi rồi ngẩn ngơ hỏi lại:  - Chẳng lẽ tụi mày đến đây để chơi trò “phá đám”?  (Nguyễn Nhật Ánh, Trại Hoa vàng)  d)  - Cậu có bít bộ phim “Stand by me Doroeme” không?  - Mình khum.  - Pó tai với cậu, phim đó lớp mình ai cũng xem hết rồi.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**   1. Từ “chém gió” là biệt ngữ xã hội.   Từ “chém gió” trong câu trên không được hiểu là hành động vung bàn tay về một phía (thường là vung lên vung xuống) mà được hiểu là: **hành động nói những điều không đúng sự thật, ba hoa, khoác lác.**   1. Từ “anh hùng bàn phím” là biệt ngữ xã hội.   **->**Từ “anh hùng bàn phím” ở trong câu trên được sử dụng với ý nghĩa mỉa mai, chê cười một số người sử dụng mạng xã hội. Họ là những người “giấu mặt” sau màn hình máy tính, bình luận( comment) qua bàn phím, một cách thoải mái, không cần quan tâm vấn đề đó đúng hay sai, bởi họ nghĩ mạng xã hội là thế giới ảo.  **c)** Từ “nổ” , “tắt dài” là biệt ngữ xã hội.  + Từ “nổ” được hiểu là nói nhiều, nói khoác và nói một cách rất hùng hồn về một vấn đề nào đó.  + “tắt dài” là trạng thái ngừng nói đột ngột.  d) Các biệt ngữ xã hội được dùng trong đoạn hội thoại trên là:  + “bít” là cách viết lệch âm chuẩn của “biết  + “khum” là cách viết lệch âm chuẩn của “không”  + “pó tai” là cách viết lệch âm chuẩn của “bó tay”( nghĩa là bất, lực không thể làm gì được )  **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  Vậy biệt ngữ xã hội có tác dụng gì?  Phạm vi sử dụng biệt ngữ xã hội ? | **2. Tác dụng và phạm vi sử dụng biệt ngữ xã hội**  - Đối với nhà văn, việc sử dụng biệp ngữ để miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của một đối tượng cụ thể trở nên sinh động, chân thực.  - Trong cuộc sống hằng ngày, việc dùng biệt ngữ xã hội ở một nhóm người cụ thể góp phần tạo ra phong cách ngôn ngữ sinh hoạt ở nhóm người đó.  - Trong giao tiếp thường ngày: nên sử dụng biệt ngữ xã hội một cách hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp cụ thể, phù hợp với các hoàn cảnh nhất định.  - Trong văn chương, nhà văn cũng không lạm dụng các biệt ngữ xã hội, để giữ sự trong sáng của tiếng Việt, đảm bảo tính thẩm mỹ và giá trị thông tin tới đông đảo bạn đọc. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint, ralo

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  *Chỉ ra biệt ngữ xã hội ở những câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó.*  a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.  (Ngô An Kha, *Tìm mảnh ghép thiếu*)  b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ *“tủ”* như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 1**  a)  + Biệt ngữ trong câu trên là từ “gà”  **+ Dấu hiệu nhận biết**: từ được đưa vào dấu ngoặc kép và nghĩa của từ không giống với nghĩa vốn có của từ ấy  + Giải nghĩa từ “gà” trong câu văn  không phải chỉ một loại gia cầm nuôi để lấy thịt hoặc trứng, mà có nghĩa chỉ những người có tố chất tốt, được lựa chọn để đào tạo, huấn luyện chuyên biệt.  b.  + Biệt ngữ trong câu trên là từ “tủ”  **+ Dấu hiệu nhận biết:** từ “tủ”  được đưa vào dấu ngoặc kép và nghĩa của từ “tủ” không giống với nghĩa vốn có của từ đó (trong từ điển “tủ” là đồ dùng bằng gỗ, hình hộp đứng, có vách ngăn để cất, chứa đồ đạc).  + Giải nghĩa từ “tủ” trong câu văn có nghĩa là dồn tâm sức học tập, rèn luyện một số kiến thức, kỹ năng cụ thể chứ không đầy đủ, toàn diện theo yêu cầu.  ->Từ “tủ” ở đây là biệt ngữ xã hội bởi theo từ điển, tủ là vật dụng để chứa đồ bên trong. Trong bối cảnh thi cử và ôn tập, tủ là để chỉ việc học sinh không chịu ôn tập kĩ càng tất cả kiến thức cần thiết mà chỉ ôn những phần mà mình nghĩ sẽ thi vào. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** *Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to.*  **(Nguyễn Tuân, Một đám bất đắc chí)**  ? Vì sao ở câu trên, người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn”? Theo em, tác giả dùng cụm từ đó với mục đích gì?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 2:**  Người kể chuyện phải giải thích cho cụm từ *để “đánh một tiếng bạc lớn”* vì đây là cũng từ chuyên dùng của giới giang hồ, trộm cắp. Người đọc thông thường sẽ không hiểu được hoặc hiểu không đúng nghĩa của cụm từ này.  Tác giả dùng cụm từ này với mục đích **khắc họa chân dung của nhân vật** Cai Xanh- một tay giang hồ táo tợn, dám thực hiện những vụ cướp lớn. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Trong phóng sự  *Tôi kéo xe của Tam Lang* (viết về những người làm nghề kéo xe chở người thời trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), có đoạn hội thoại:  *– Mày đã “làm xe” lần nào chưa?*  *– Bẩm, chúng cháu chưa làm bao giờ cả.*  Trong ***Cạm bẫy người*** của Vũ Trọng Phụng – một tác phẩm vạch trần trò gian xảo, bịp bợm của những kẻ đánh bạc trước năm 1945 – có câu: *Tôi rất lấy làm lạ là vì cứ thấy hai con* ***chim mòng*** *thắng trận, ù tràn đi mà* ***nhà đi săn*** *kia đã phí gần hai mươi* ***viên đạn.***  Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội (in đậm) trong các trường hợp trên. Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là gì?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 3**  + Các biệt ngữ xã hội đều được dùng trong một nhóm người nhất định.  + Trong phóng sự “ Tôi kéo xe” của Tam Lang, biệt ngữ “ làm xe” được dùng trong nhóm những người lao động nghèo, làm nghề kéo xe.  + “ Làm xe”: làm nghề thuê xe kéo( nhận xe của người cai và phải trả lại xe cùng một khoản thuế vào cuối mỗi ngày).  Trong ***Cạm bẫy người*** của Vũ Trọng Phụng , các biệt ngữ “chim mòng”, “nhà đi săn”, “viên đạn” được dùng trong nhóm những kẻ hành nghề cờ bạc bịp.  *+ “chim mòng”:* Nạn nhân bị bọn lừa bịp đưa vào bẫy để lừa lấy hết tiền.  + “nhà đi săn”: những kẻ lừa đảo, đặt bẫy để lừa gạt người nhẹ dạ tham lam.  + “viên đạn”: tiền kẻ lừa đảo bỏ ra để khơi gợi lòng tham của nạn nhân.  -> Nhờ việc sử dụng các biệt ngữ xã hội, tác giả đã khắc họa sống động ngôn ngữ, đặc điểm của các nhân vật cùng với cuộc sống sinh hoạt của họ.  Khi đọc tác phẩm văn học, gặp các biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là giải nghĩa của những biệt ngữ này. Có thể tìm hiểu nghĩa của các biệt ngữ bằng những cách sau:  + Tìm hiểu phần chú thích trong tác phẩm, có thể biệt ngữ đó đã được tác giả giải nghĩa.  + Tìm hiểu thông qua hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm và bối cảnh xã hội (không gian, thời gian) được tác giả xây dựng. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:  a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?  – Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?  b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu có biết vì sao không?  – Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 4:**  a) biệt ngữ  *“lầy”: chơi không đẹp, chơi xấu*  *=>Trong ngữ cảnh là cuộc trò chuyện của hai bố con, có khoảng cách về tuổi tác. Do vậy, việc dùng biệt ngữ của giới trẻ khi nói chuyện với bố là chưa phù hợp vì có thể bố không hiểu nghĩa của biệt ngữ hoặc không thể hiện sự tôn trọng với bố.*  b. biệt ngữ  “*hem”* : không  => Trong ngữ cảnh cuộc trò chuyện của hai người bạn cùng trang lứa, nội dung cuộc trò chuyện là sự việc thường ngày thì việc sử dụng biệt ngữ là phù hợp và được chấp nhận. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Tổ chức thực hiện:

- Sử dụng phần mềm PowerPoint

- Kĩ thuật/ Phương pháp: động não, Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Cùng với sự bùng nổ của những trang mạng xã hội, ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay đang có những thay đổi và cập nhật nhanh chóng. Hàng loạt các biệt ngữ(tiếng lóng) được các bạn trẻ sáng tạo và sử dụng phổ biến. Là một người trẻ, em hãy chỉ ra mặt lợi và hại của việc các bạn trẻ sử dụng tiếng lóng hiện nay.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả

Cách tạo tiếng lóng của giới trẻ hiện nay

+ Các bạn học sinh, sinh viên thường sử dụng thử theo kiểu viết tắt, viết ký hiệu, ngôn ngữ “tự chế” nửa tây, nửa ta, nửa chữ, nửa số,... để nhắn tin trên điện thoại hoặc khi dùng mạng xã hội.

+ Ngôn ngữ của giới trẻ đa phần được sáng tạo từ tiếng mẹ đẻ, ngoài ra còn đến từ việc chế từ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc.

**Lợi ích của việc giới trẻ sáng tạo nhiều từ ngữ mới.**

+ Sự ra đời ngôn ngữ của giới trẻ đã góp phần làm phong phú thêm vốn từ của tiếng Việt.

+ Khi các bạn trẻ giao tiếp cùng nhau, sẽ thường xuyên sử dụng tiếng lóng, điều này giúp cho những cuộc trò chuyện trở nên gần gũi, thân thiết, tạo điều kiện cho sự kết nối và hòa nhập.

**Cần sáng tạo và sử đúng mực ngôn ngữ giới trẻ**.

+ Nếu giới trẻ lạm dụng biệt ngữ thì có thể ảnh hưởng đến việc phát triển các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng tạo lập văn bản. Tiếng lóng được sử dụng chủ yếu trong giao tiếp hằng ngày (khẩu ngữ”, khi nó bị dùng tràn lan và quá đà sẽ khiến cho các bạn trẻ loay hoay không biết thể hiện những từ ngữ đó như thế nào trên văn bản (văn viết), điều này sẽ gây ra bất lợi cho quá trình học tập và làm việc.

**Cần sáng tạo và sử dụng đúng mực ngôn ngữ giới trẻ**

+ Sử dụng nhiều tiếng lóng, đặc biệt là các từ pha tạp giữa tiếng Việt với các ngoại ngữ khác sẽ làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Điều này cũng gây ra sự khó chịu và khó hiểu khi các bạn trẻ giao tiếp với những người thuộc các nhóm xã hội khác.

**- Kết luận, đánh giá.**

**\*Hướng dẫn về nhà:**

- Hoc kĩ bài, làm bài tập còn lại.

*- Chuẩn bị bài: Quang Trung đại phá quân Thanh*

**\*Rút kinh nghiệm:**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 5- 6: Nội dung 3:**

**VĂN BẢN: QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH**

**Hồi thứ mười bốn**

*(Ngô Gia Văn Phái)*

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Quang Trung đại phá quân Thanh*

**b. Nội dung:** GV chiếu video về Quang Trung, đặt câu hỏi phát vấn: “ Ngoài nhân vật xuất hiện trong video, em hãy kên tên một số nhân vật lịch sử khác mà em biết. Em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?”

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS những hiểu biết về vua Quang Trung

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu đố trên màn hình

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình về nhân vật lịch sử em thích

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *“Dân ta phải biết sử ta”, các em biết không dân tộc ta trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, có rất nhiều vị anh hùng hào kiệt, những người đã đóng góp công lao to lớn để chúng ta có được cuộc sống như hôm nay. Và văn bản chúng ta học sau đây sẽ nói về một nhân vật lịch sử và là một vị vua của nước ta thời xưa.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Quang Trung đại phá quân Thanh”*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Quang Trung đại phá quân Thanh*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Ngô Gia Văn Phái**  Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội ngày nay.  Đây là một dòng họ lớn có truyền thống nghiên cứu và sáng tác văn chương với những tên tuổi tiêu biểu như: Ngô Thì Ức (1709 – 1736), Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780), Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803), Ngô Thì Chí (1753 – 1788), Ngô Thì Du (1772 – 1840), Ngô Thì Hương (1774 – 1821),...  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ  - Hoàng Lê Nhất thống chí là cuốn tiểu thuyết lịch sử, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi, gồm 17 hồi. Dựa vào việc ghi chép những sự kiện lịch sử - xã hội có thực, nhân vật có thực, địa điểm thực, tác phẩm đã phản ánh những biến động của lịch sử nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kì XIX, trong đó tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.  - Văn bản học nằm trong hồi thứ 14 về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh  b. Thể loại: Tiểu thuyết chương hồi  c. Phương thức biểu đạt chính: tự sự  d. Bố cục  - Gồm 3 phần :     + Phần 1: (Từ đầu ⇒ năm Mậu Thân)  ⇒ Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và cầm quân dẹp loạn.     + Phần 2: (Tiếp theo ⇒ vào thành)  ⇒ Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.     + Phần 3: (còn lại ) → Hình ảnh thảm bại của bọn xâm lược và bọn tay sai bán nước. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được bối cảnh và sự kiện lịch sử; phân tích được nội dung, ý nghĩa của việc Nguyễn Huệ lên ngôi vua và cuộc hành quân thần tốc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Quang Trung đại phá quân Thanh*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và hoàn thành phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Bối cảnh lịch sử** | | | 1/ Thời điểm diễn ra các sự kiện | ………………………….. | | 2. Phản ứng của Bắc Bình Vương | ………………………….. |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn , trả lời câu hỏi:  *( ? Nhận được tin báo cấp quân Thanh đến Thăng Long, thái độ của Nguyễn Huệ như thế nào?*  *? Phản ứng đó cho thấy Bắc Bình Vương là cn người như thế nào?*  *? Để chuẩn bị cho cuộc chiến, QT đã làm gì?*  *? Qua sự chuẩn bị đó, cho thấy QT là người như thế nào?*  *? Khi đến Nghệ An, QT đã gặp ai? Và cách tuyển chọn quân như thế nào?*  - Dụ quân lính trước khi lên đường  - Các em chú ý lời phủ dụ của QT.  *? Em hiểu như thế nào về lời dụ?*  -Lời truyền của vua cho bề tôi và dân chúng.  *?Tìm những chi tiết, câu văn cho thấy lời dụ của vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh.*  *? Thái độ của QT đối với bề tôi như thế nào?( Việc QT dùng Ngô Thì Nhậm chủ mưu rút khỏi thăng Long, tha tội cho Ngô Văn Sở cho thấy năng lực nào của vị vua này?)*  *? Kế hoạch đánh giặc của vua QT như thế nào?*  *?Sở dĩ QT có thể lãnh đạo nghĩa quân, chiến thắng giặc nhanh chóng như thế là vì lí do gì?*  *? Qua việc làm và thái độ của QT, em có nhận xét gì về vị vua này?*  *G:Tài của ông còn được thể hiện trong cách dùng binh.*  *?Kế hoạch dùng binh của vua QT được kể, tả như thế nào?*  *? Em có nhận xét gì về khoảng thời gian mà QT xuất quân lên đườngđến khi tới Thăng Long đánh đuổi được giặc.*  *?Nhận xét về tài dụng binh của vua Quang Trung*  *HS đọc: “Nửa đêm -> 3 tháng giêng”*  *? Em hãy tóm tắt cảnh dàn trận của QT.*  *?Nhận xét về hình tượng vua Quang Trung trong văn bản trên.*  *-QT là một hình tượng đẹp, ung dung, oai phong lẫm liệt với bộ áo bào đỏ, xạm đen khói súng.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân  **?**Theo dõi sgk, em hãy cho biết TSN sang An Nam nhằm mục đích gì?  ? Trong khi quân Tây Sơn đánh như vũ bão thì cuộc sống của các tướng sĩ như thế nào?  - Trong mấy ngày tết, mọi cgười chỉ chăm chs vào việc yến tiệc vui mừng ko hề lo chi việc bất trắc. (Cho quân lính mặc sức vui chơi)  ? Trong chiến lược y là người như thế nào?  ? Khi quân TS đến thì TSN như thế nào?  ? Qua đây em hiểu gì về TSN?  ? Đội quân nhà Thanh như thế nào?  - HS đọc đoan: *Ngọc Hồi thất thủ*  *? Vua tôi LCT có hành động gì khi nghe tin Ngọc Hồi thất thủ*.  *(+ Em hãy tìm những chi tiết thể hiện rõ bản chất của nhân vật Lê Chiêu Thống)*  *? Qua đó em thấy bọn quan lại LCT như thế nào?*  – Vua Lê Chiêu Thống và bề tôi trung thành chỉ vì lợi ích riêng của dòng họ mà mù quáng “cõng rắn cắn gà nhà”, cấu kết với nhà Thanh, để rồi đặt vận mệnh của dân tộc vào tay kẻ thù phương Bắc vốn không đội trời chung.  – Lê Chiêu Thống không xứng đáng với vị thế của bậc quân vương. Kết cục ông phải trả giá là chịu chung số phận thảm hại của kẻ vong quốc: “chạy bán sống, bán chết”, nhịn đói để trốn, ông cùng kẻ cầu cạnh chỉ biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”  ? Hãy chỉ ra sự tương phản đối lập trong việc xây dựng cácnhân vật Quang Trung, vua Lê Chiêu Thống, quân sĩ Tây Sơn,quân lính nhà Thanh?  **Nghệ thuật đối lập trong việc xây dựng nhân vật Quang Trung:**  **+**Có tấm lòng yêu nước thương dân.  + Có trí tuệ sáng suốt, tầm nhìn xa rộng.  + Có tài nhìn người,dùngngười.  +Có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.  **Lê Chiêu Thống**  + Bán nước, hại dân.  + Tầm nhìn hạn hẹp, chỉ lo giữ ngai vàng.  + Tin dùng đám nịnh thần, bất tài vô dụng.  +Hèn nhát,bạc nhược, thụ động  **Nghệ thuật đối lập trong việc xây dựng nhân vật Quân sĩ TâySơn**  +Biết địch biết ta  +Hành quân thần tốc, linh hoạt trong từng trận đánh  +Anh dũng quả cảm trực tiếp xung trận  + Quân Tây Sơn anh dũng, thiện chiến, tinh thần kỷ luậtcao  **QuânThanh**  +Chủ quan khinh địch, kiêu ngạo  +Bị động chống trả  +Hèn nhát,bỏ chạy  +Quân Thanh hèn nhát, ô hợp thiếu ý chí chiến đấu  => Nghệ thuật đối lập góp phần làm rõ chân dung cácnhân vật: Quang Trung vừa là vị vua anh minh, sáng suốtvừa là vị tướng có tài thao lược còn Lê Chiêu Thống là tên vua bán nước, bạc nhược; Tôn Sĩ Nghị là kẻ hèn nhát thảm hại.  => Các tác giả cũng thể hiện thái độ, tình cảm đối với mỗi nhân vật.  ***?*** *Nhận xét về tình cảm, thái độ của các tác giả Ngô gia trong việc xây dựng các nhân vật ở hai tuyến đối lập trong văn bản*?  - **Với Quang Trung:**  +Ca ngợi tài năng, công đức với dân,với nước  +Thể hiện sự khâm phục, ngưỡng mộ  **- Với Lê Chiêu Thống**  +Không đồng tình với hành động bán nước  + Có chút ngậm ngùi, xót xa trước tình cảnh thê thảm của ông vua mất nước.  **- Với Tôn Sĩ Nghị:**  + Căm ghét kẻ xâm lược  + Hả hê, sung sướng khi miêu tả tình cảnh thảm bại của quân tướng nhà Thanh  **- Lí giải thái độ của các tác giả Ngô Gia:Khách quan:**  + Tài năng, công đức của Quang Trung với dân với nước là không thể phủ nhận.  + Hành động ích kỉ, bán nước hại dân của Lê ChiêuThống không gì biện hộ được.  **Chủ quan:**  + Các tác giả giữ được ngòi bút khách quan của người chép sử khi tái hiện sự việc, đánh giá nhân vật.  + Đặt quyền lợi của dân tộc lên trên hết, khen-chê, công-tội đều xếp theo lợi ích của dân tộc.  + Nhiều đời chịu ơn sâu nhà Lê, nên có phần xót xa, ngậm ngùi trước hình ảnh của vương triều lúc suy tàn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Bối cảnh lịch sử**  - Cuối năm 1788, mượn cớ giúp nhà Lê, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta.  - Nguyễn Huệ nghe tin quân Thanh đến Thăng Long giận lắm liền họp các tướng sĩ định thân chỉnh cầm quân đi ngay.  - Tướng sĩ xin Bắc Bình Vương lên ngôi để làm yên lòng người  - Nguyễn Huệ cho đắp đàn trên núi tế trời đất lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung. Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân hạ lệnh xuất quân.  **2. Hình tương người anh hùng Quang Trung (Nguyễn Huệ)**  - Nhận được tin quân Thanh chiếm Thăng Long Nguyễn Huệ rất tức giận,họp các tướng sĩ, không hề nao núng: “định thân chinh cầm quân đi ngay”.  -> Ngay thẳng, cương trực, căm ghét bọn xâm lược và kẻ bán nước cầu vinh.  - Trong vòng một tháng (24/11 đến 29/12/1788) ông làm được rất nhiều việc lớn: làm lễ lên ngôi; đốc xuất đại binh ra Bắc; gặp La Sơn phu tử NguyễnThiếp; tuyển quân ở Nghệ An; phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân,đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.  **⇒ Người bình tĩnh, hành động nhanh ,kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán trước những biến cố lớn.**  - Ở Nghệ An → gặp gỡ người cống sĩ tham khảo ý kiến; kén lính “ba suất đinh thì lấy một người”  - *Ông rất nhạy bén trong việc dụ binh, thu phục lòng quân:*  + *Dụ quân lính trước khi lên đường:* “đất nào sao ấy” ngắn gọn, hào hùng.-> Khích lệ lòng yêu nước và truyền thống quật cường dân tộc.  - **Đối với bề tôi:** Ân uy đều đúng mực, biết nghe theo lẽ phải.  + Nguyễn Huệ sáng suốt trong việc lựa chọn tướng tài. Hiểu tường tận năng lực của tướng sĩ, khen chê đúng người đúng việc. (mưu lược trong việc xét đoán bề tôi)  -> Người có trí tuệ sáng suốt sâu sắc và nhạy bén.  - Phương lược tiến đánh đã tính sẵn, 10 ngày có thể đuổi được giặc.  - Kế hoạch cho 10 năm tới.  -> Ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng.  => QT là vị vua yêu nước, trí tuệ sáng suôý, nhạy bén, ( biết phân tích tình hình thời cuộc và thế tương quan giữa ta và địch) có tài cầm quân, năng lực tiên đoán chính xác của nhà quân sự có tài.  - QT kì tài trong việc dùng binh:  + Ngày 24/11: Văn Tuyết vào Phú Xuân  + Ngày 25/11: Xuất quân ( Phú Xuân –Huế)  + Ngày 29/12: Đến Nghệ An mộ quân  + Đêm 30 tết lên đường tiên quân ra Thăng Long  + Dự định ngày 7 tết đến Thăng Long (đoạn đường khoảng 650 km → 7 ngày đi bộ)  + Thực tế: ngày 5 tết đã đến Thăng Long  → đến nơi đội ngũ vẫn tinh nhuệ đánh cho quân Thanh tan tác.  -> 5 ngày đi đường xa mộ quân đánh giặc, cuộc hành quân thần tốc.  => QT thật kì tài, ( tài tổ chức, tài cầm quân) tài dùng binh như thần.  \* Anh hùng Quang Trung trong chiến trận:  - Vua Quang Trung cưỡi voi thân chinh cầm quân - một tổng chỉ huy chiến dịch:  + QT lấy 60 tấm ván dàn trận chữ nhất….đánh giáp la cà.  + QT lẫm liệt trên lưng voi  ⇒ H/ả ng anh hùng Quang Trung được khắc hoạ thật oai phong lẫm liệt, bừng bừng khí tiết một h/ả đẹp hào hùng về người anh hùng lịch sử của dân tộc.  **3. Sự thất bại thảm hại cua quân xâm lược nhà Thanh.**   1. **a.Tôn Sĩ Nghị**   **- M**ục đích: Chiếm An Nam một lần nữa  **-** Chủ quan khinh địch  **-** Bất tài, cầm quân mf biết tình thế một cách đại khái  - Trách mắng Lê Quýnh  - Trút trách nhiệm cho Lê Chiêu Thống  - Sự mất mật, ngựa ko kịp đóng Yên, người ko kịp mặc áo giáp chuồn trước qua cầu phao sông Hồng.  -> Nghị là một tên tướng bất tài, tham công, xao trá, chủ quan, kiêu căng.  **b. Quân xâm lược nhà Thanh**  - Đội quân ko có tính kỉ luật  - Khi thắng trận thì bỏ đi lang thang.  - Khi thua trận: Sợ hãi xin hàng, bỏ chạy toán loạn giày xéo lên nhau mà chết.  -> Đội quân ô hợp, ko có sức chiến đấu.  **c. Số phận bi thảm của vua tôi Lê Chiêu Thống phan nước hại dân.**  Nghe tin Ngọc Hồi thất thủ:  + Vội vã rời bỏ cung điện chạy trốn  + Chạy bán sống bán chết, cướp thuyền cá để qua sông.  + Cùng chạy sang TQ với quân Thanh  + Luôn mấy ngày ko ăn, ai đấy đều mệt lử, theo lối tắt trong núi mà đi  => Thụ động, hèn nhát từ bỏ dân tộc gắn vận mệnh mình với kẻ thù.  ->Sự đối lập giữa vua Lê Chiêu Thống và vua Quang Trung, giữa quân nhà Thanh và quân Tây Sơn đã so sánh, đánh giá những hình ảnh nổi bật của Quang Trung và quân Tây Sơn trong chiến thắng đại phá quân Thanh, ca ngợi chiến công hiển hách của vua Quang Trung, nổi bật hình tượng vị anh hùng áo vải, vị hoàng đế với trí tuệ sáng suốt, mạnh mẽ và quyết đoán .  => Bằng một giọng văn chậm rãi tác giả đã gợi lên sự thảm bại của bọn vua tôi phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống. Mặt khác, đó cũng là tâm trạng ngậm ngùi của người cầm bút trước hình ảnh của một bậc đế vương nhu nhược trong lịch sử dân tộc.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  – Dựa trên các tình tiết có thật, tác giả đã lựa chọn trình tự kể trình tự diễn ra các sự kiện, giúp người đọc theo dõi dòng lịch sử dễ dàng hơn  – Với ngôn ngữ kể, tả chân thực, tác phẩm đã khắc họa sinh động các nhân vật lịch sử, từ nhân vật chính nghĩa đến phản diện đều được hiện lên rõ nét  – Sử dụng giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều Lê, với chiến thắng của nhân dân, dân tộc với bọn cướp nước.  **2. Nội dung**  - “Hoàng Lê nhất thống chí” thuộc hồi mười bốn với tên “Đánh Ngọc Hồi, quán Thanh bị thua trận, bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài” đã gợi lên khung cảnh lịch sử đầy sinh động về người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Tác phẩm vừa làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của một vị vua văn võ toàn tài, vừa nói lên tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống cùng quân xâm lược nhà Thanh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

? Hình ảnh người anh hùng Quang Trung đã để lại bài học gì cho thế hệ sau về thái độ đối với lũ giặc cướp nước và kẻ phản bội Tổ quốc? (Giáo dục ANQP)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS theo dõi, trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Quang trung đại phá quân Thanh để trả lời câu hỏi trắc nghiệm ôn tập

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ nào?

1. **Dòng họ Ngô Thì.**
2. Dòng họ Nguyễn.
3. Dòng họ Lý.
4. Dòng họ Lê.

Câu 2: Hoàng Lê nhất thống chí thuộc thể loại nào?

1. Kí.
2. **Tiểu thuyết chương hồi.**
3. Tùy bút.
4. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 3: Nội dung của “Quang Trung đại phá quân Thanh” là gì?

1. Thể hiện tấm lòng yêu nước của vua Quang Trung.
2. **Tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê-Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.**
3. Ghi chép lại những sự kiện lịch sử - xã hội có thực.
4. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 4: Hoàng Lê nhất thống chí xây dựng hình ảnh vua Quang Trung như thế nào?

1. Hành động mạnh mẽ, quyết đoán.
2. Trí tuệ sáng suốt, mẫn cán, điều binh khiển tướng tài tình.
3. Tài thao lược, lãnh đạo tài tình, phi thường.
4. **Tất cả các đáp án trên đều đúng.**

Câu 5; Trong những đoạn văn nói về cảnh bỏ chạy khốn cùng của vua Lê Chiêu Thống, tác giả vẫn gửi gắm cảm xúc trong đó, theo em, cảm xúc đó là gì?

1. Sự bênh vực.
2. Sự tiếc nuối.
3. **Sự căm phẫn.**
4. Lòng thương cảm.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\*Hướng dẫn về nhà:** Hoc kĩ bài, làm bài tập còn lại.

**\*Chuẩn bị bài sau:** *Thực hành tiếng Việt*

\*Rút kinh nghiệm:

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT 7: NỘI DUNG 4 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chứchoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Tìm các từ địa phương có trong đoạn trích dưới đây, cho biết đó là từ địa phương thuộc miền nào?

Người nhà quê hồi mình con nít toàn người nghèo. Sân nhà quê hồi ấy cũng rặt sân đất, nên nhà nào cũng cặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chìm trong nước cũng có, chỗ mà đem phơi củi, hay gối, chiếu.... Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me ....đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. (Nguyễn Ngọc Tư- *Mùa phơi sân trước)*

**\* Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Hs liệt kê

**\* Báo cáo kết quả:**Hs báo cáo

**\* Đánh giá nhận xét, kết nối bài học :** Thông qua phần khởi động chúng mình đã cùng nhau nhắc nhớ kiến thức từ địa phương với một đoạn văn tản văn của tác giả Nguyễn Ngọc Tư . Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhắc nhớ nhau kiến thức về từ địa phương vàluyện tập thêm để thành thạo về việc xác định cũng như tìm hiểu tác dụng của từng địa phương.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: Hs Nhận biết và xác định đặc điểm của biệt ngữ xã hội  b) Tổ chức hoạt động: | **1. Nhắc nhớ kiến thức về từ ngữ địa phương** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** Hoàn thành bảng thông tin về từ ngữ địa phương   |  |  | | --- | --- | | Yếu tố | Từ ngữ địa phương | | Khái niệm |  | | Nguồn gốc |  | | Đặc điểm |  | | Phạm vi sử dụng |  | | Ý nghĩa |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **\* Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Từ ngữ địa phương** | | **Khái niệm** | Từ ngữ địa phương ( phương ngữ) là các từ ngữ chỉ dùng ở một số vùng miền, địa phương nhất định. | | **Nguồn gốc** | Do sự khác biệt giữa các địa phương về đặc điểm tự nhiên, đặc điểm tâm lý và phong tục tập quán của cư dân địa phương. | | **Đặc điểm** | Về ngữ âm: các từ được phát âm theo cách riêng của người dân mỗi địa phương, không giống cách phát âm của từ toàn dân  Về từ vựng: có các từ ngữ tương đương với từ toàn dân nhưng hình thức ngữ âm khác biệt hoặc có các từ ngữ mà trong kho từ toàn dân không có. | | **Phạm vi sử dụng** | - Chỉ sử dụng ở một vùng miền, địa phương nhất định (hoặc giữa các cư dân cùng vùng miền).  - Trong các văn bản khoa học, hành chính..., không sử dụng từ ngữ địa phương.  - Trong các tác phẩm văn học, từ ngữ địa phương có thể được dùng để tạo sắc thái địa phương cho sự việc, nhân vật hoặc dùng như một phương tiện tu từ. | | **Ý nghĩa** | Từ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng, thể hiện nét riêng của một cộng đồng ngôn ngữ |   **\* Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  *? Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:*  a. Ai đi vô nơi đây  Xin dừng chân xứ Nghệ  (Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)  b. Đến bờ ni anh bảo:  - “Ruộng mình quên cày xáo  Nên lúa chín không đều.  Nhớ lấy để mùa sau  Nhà cố làm cho tốt”.  (Trần Hữu Thung, Thăm lúa)  c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy  Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!  (Tố Hữu, Huế tháng Tám)  d. – Nói như cậu thì… còn chi là Huế!  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)  e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa.  (Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió)  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 1**  **a) Từ địa phương**: “vô” ( vào)- phương ngữ Miền Trung (xứ Nghệ)  **Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương( miền Trung, xứ Nghệ)  **b) Từ địa phương**: “ni” (này), “xáo”(xới) phương ngữ Miền Trung  **Tác dụng:** Thể hiện ngôn ngữ quen thuộc, bình dị của người Miền Trung, cũng góp phần bộc lộ tính cách của nhân vật trữ tình.  **c) Từ địa phương**: “chừ” (giờ)-phương ngữ Miền Trung (xứ Huế)  **+ Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, thể hiện niềm vui của những người con xứ Huế khi quê hương được giải phóng.  **d) Từ địa phương**: “chi” (gì)- phương ngữ Miền Trung (xứ Huế)  **Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, thể hiện ngôn ngữ bình dị của người Huế  **e) Từ địa phương**: “má” (mẹ), “tánh” (tính) - phương ngữ Nam Bộ  **Tác dụng:** Tạo sắc thái đặc trưng của địa phương, cho nhân vật sự việc. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  ***?*** *Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:*  a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.  (Trích Biên bản họp lớp)  b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhớn** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả…  (Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)  c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”**đây!  (Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)  d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.  (Trích một bản tường trình)  **Trả lời:**  a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.  b*. Nhớn* và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  c. *Tía* và *ăn ong* là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  d. *Tui* là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 2:**  a) **Giải nghĩa** “**giồng** ” có nghĩa là “trồng”  Nhận xét về việc sử dụng: câu văn sử dụng từ địa phương không phù hợp. Bởi vì đây là biên bản họp lớp- một văn bản thông tin mang tính chất hành chính, công cụ đòi hỏi tính chính xác, mẫu mực, chỉ nên sử dụng từ ngữ toàn dân.  b) **Giải nghĩa** “**giồng** ” có nghĩa là “**trồng”, “nhớn”** tương đương với “**lớn”**  Nhận xét về việc sử dụng: Các từ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học, là lời nói thường ngày của mẹ và con, nên phù hợp và còn góp phần thể hiện tính chất cuộc trò chuyện cũng như mối quan hệ gần gũi, thân thiết của các nhân vật.  c) **Giải nghĩa** “**tía** ” có nghĩa là “bố”: “ăn ong”( đi lấy mật ong trong rừng)  Nhận xét về việc sử dụng: Các từ ngữ địa phương được sử dụng trong tác phẩm văn học có tác dụng tạo sắc thái địa phương (Nam Bộ) cho con người( người cha nuôi của bé An), sự việc (vào rừng lấy mật ong)  **d) Giải nghĩa** “**tui” có nghĩa là “tôi”**  Nhận xét về việc sử dụng: câu văn sử dụng từ địa phương không phù hợp. Bởi vì đây là biên bản họp lớp- một văn bản thông tin mang tính chất hành chính, công cụ đòi hỏi tính chính xác, mẫu mực, chỉ nên sử dụng từ ngữ toàn dân. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  *Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?*  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  d. Nhắn tin cho một bạn thân  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân | **Bài 3**  - Chỉ nên sử dụng từ địa phương trong phạm vi nhất định: những cuộc trò chuyện thân mật, gần gũi trong cuộc sống thường ngày của những người cùng địa phương (cùng hiểu và sử dụng từ ngữ địa phương) hoặc trong các tác phẩm văn học để tạo nên sắc thái địa phương cho nhân vật, sự việc. Do vậy, các trường hợp có thể sử dụng từ địa phương là:  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  d. Nhắn tin cho một bạn thân  **- Các trường hợp cần tránh dùng từ địa phương là:**  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Hs thực hiện bài tập

b) Tổ chức thực hiện:

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**  Phân biệt từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**\* Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Từ ngữ địa phương** | **Biệt ngữ xã hội** |
| **Giống nhau** | **Có những quy tắc về phạm vi sử dụng:**  + Không sử dụng trong các văn bản khoa học, hành chính... đòi hỏi tính chính xác và mẫu mực.  + Trong các tác phẩm văn học, có thể được dùng để tạo sắc thái địa phương hoặc khắc họa cuộc sống của một nhóm người đặc biệt | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khác nhau** | **Từ ngữ địa phương** | **Biệt ngữ xã hội** |
| **Nguồn gốc** | Do sự khác biệt giữa các địa phương, đặc điểm tự nhiên, đặc điểm tâm lý và phong tục tập quán của cư dân địa phương. | Được hình thành trên những quy ước chung của một nhóm người nào đó trong xã hội. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng từ ngữ địa phương

+ Soạn văn bản: Ta đi tới

\*Rút kinh nghiệm:

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 8-9. Nội dung 5**  **VĂN BẢN: TA ĐI TỚI**  **(TỐ HỮU)**  **1. Hoạt động 1: Mở đầu**  a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề  b) Tổ chức hoạt động:  **\* Chuyển giao nhiệm vụ: Theo dấu chân người lính**  Mỗi hình ảnh và thông tin dưới đây là một chiến dịch được quân và dân ta thực hiện trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hãy quan sát hình ảnh, theo dõi các thông tin và cho biết đó là chiến dịch lịch sử nào?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**Hs trả lời  **\* Báo cáo kết quả:**HS trình bày kết quả  **\* Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:** Như vậy, chúng ta nhìn thấy đi qua theo bước chân của người lính anh hùng chúng ta đã đi qua những chiến dịch rất là gian khổ, ác liệt nhưng đồng thời cũng là những chiến thắng rất đỗi hào hùng để rồi đi đến ngày chiến thắng non sông đã giành được độc lập tự sau suốt bao nhiêu tháng năm sống trong ách nô lệ lầm than và cũng như một bản tổng kết toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp dài lâu, gian khổ trường kỳ nhưng cuối cùng đã nhất định thắng lợi và thắng lợi vẻ vang. Nhà thơ Tố Hữu cũng đã có một bản tổng kết bằng thơ một bài thơ rất hay và đầy xúc động bài thơ có tên “**TA ĐI TỚI“.** Lúc này chúng ta sẽ đi tổng kết những trang hào hùng của cuộc kháng chiến chống Pháp nhưng không phải bằng những hình ảnh, không phải bằng những sự kiện mà bằng những câu thơ, những vần thơ chứa chan cảm xúc..  **2. Hoạt động 2:Hình thành kiến thức mới** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a.Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, tác phẩm  b) Tổ chức thực hiện: |  |
| \* Chuyển giao nhiệm vụ:  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  *Yêu cầu đọc:*  Bài thơ tương đối dài, cảm xúc của nhà thơ có sự thay đổi giữa các phần. Vì vậy cần đọc thầm trước-> đọc thành tiếng ->đọc diễn cảm bài thơ  **Giọng chủ đạo:** vui tươi, say sưa, náo nức  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Thể thơ |  | | Gieo vần |  | | Ngắt nhịp |  | | PTBĐ chính |  | | Bố cục |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  \* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  \* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **2. Tác phẩm**  *- Xuất xứ:* trích trong tập thơ Việt Bắc.  - *Hoàn cảnh sáng tác* gắn với bối cảnh lịch sử năm 1954 cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục công cuộc đấu tranh đến để thống nhất đất nước. Trong không khí vui tươi, phấn chấn đó, nhà thơ vừa ca ngợi những chiến thắng lừng lẫy của cuộc kháng chiến trong chặng đường đã qua, vừa thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới của dân tộc.  - *Thể thơ*: tự do  *- Gieo vần*: Bài thơ gieo vần chân, kết hợp giữa vần liền và vần cách  *- Ngắt nhịp*: thay đổi linh hoạt nhưng giọng chủ đạo chi phối toàn bộ bài thơ là chất giọng vui tươi, phấn chấn.  Nhận xét chung về đặc điểm hình thức của bài thơ: những đặc điểm về thể thơ, vần và nhịp thơ cho phép nhà thơ thể hiện cảm xúc một cách tự do, tự nhiên, đồng thời phù hợp với mạch cảm xúc từ vui tươi, phấn chấn-> suy tư của bài thơ | **I, ĐỌC VÀ TÌM HIÊU CHUNG**  **1, Tác giả:**  Tố Hữu (1920 – 2002) quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế  - Là nhà cách mạng, đồng thời là nhà thơ  - Hành trình thơ Tố Hữu sang song với hành trình cách mạng; mỗi tập thơ của ông luôn gắn với một giai đoạn của cách mạng Việt Nam.  - Thơ Tố Hữu thường viết về những vấn đề trọng đại của dân tộc, tình cảm trong thơ ông mang tính thời đại.  Các tập thơ tiêu biểu của ông: Từ ấy (1946),Việt Bắc (1954), Gió lộng (1961), Ra trận (1971), Máu và hoa (1977), Một tiếng đờn (1992) và Ta với ta (2000)  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ  Bài thơ Ta đi tới (in trong tập Việt Bắc) được Tố Hữu sáng tác vào tháng 8 năm 1954 – thời điểm cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi, chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.  b. Thể loại: thơ tự do  c. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  *- Bố cục:*  Phần 1: “*Ta đi giữa ban ngày”..... "Tiếng các em thánh thót quanh làng*”: Niềm vui sướng tự hào khi đất nước giành được độc lập tự do và suy ngẩm về chặng đường kháng chiến vừa qua.  Phần 2: Còn lại: Ước mong thống nhất đất nước và suy nghĩ cho chặng đường sắp tới của dân tộc |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN** | |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập  *? Đọc trích đoạn thơ em hình dung như thế nào về bối cảnh lịch sử ( không gian, thời gian, sự kiện quan trọng..) đã gợi nguồn cảm hứng thơ ca cho tác giả.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. | **1. Bối cảnh lịch sử và nguồn cảm hứng được gợi lên trong bài thơ**  - Không gian: rộng được tác giả nhắc nhiều qua các địa danh trên khắp mọi miền tổ quốc.  Thời gian: ban ngày  Thời điểm: tháng 8 năm 1954 cuộc cách mạng kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi.  => Bài thơ Ta đi tới ca ngợi chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới. Bài thơ chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao. |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  **Thảo luận nhóm bàn ( 5p)**  **Câu 1:**  Xác định hình ảnh trung tâm của văn bản thơ, hãy chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh đó.  **Câu 2:**  Khung cảnh đất nước ngày độc lập được tác giả gợi lên qua những hình ảnh thơ nào?( qua các địa danh, qua hình ảnh đẹp của cách mạng, qua khung cảnh quê hương sau chiến tranh).  Gợi ý: Theo dõi khổ thơ 3,4: Khung cảnh quê hương sau chiến tranh được gợi nhắc qua những hình ảnh thơ nào? Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ này? Nêu tác dụng?  **Câu 3:**  Nhìn lại chặng đường kháng chiến, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì? Cảm xúc này được bộc lộ qua những yếu tố nào? Cuộc kháng chiến đã qua hiện lên như thế nào trong hình dung của nhà thơ?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ.**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ***Câu 1: Hình ảnh trung tâm của bài thơ là hình ảnh “con đường”***  - Dấu hiệu: điệp ngữ “đường” kết hợp với phép liệt kê: đường cái, đường ta, đường Bắc Sơn, đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên, đường cách mạng, đường dài kháng chiến, đường xuôi về biển. đường về lại thủ đô, đường tự do cuồn cuộn. ..  - Hình ảnh con đường có mối liên hệ chặt chẽ với hai hình ảnh khác là hình ảnh “đất nước” và “ta”  **Ý nghĩa của hình ảnh “con đường”:**  + Gợi hình ảnh những con đường dọc ngang đất nước, nối liền núi sông rừng biển, gắn kết miền ngược- miền xuôi, mở ra rộng dài đất nước. Con đường từ đông sang tây, từ Bắc vào Nam, tiến về thủ đô Hà Nội trong ngày giải phóng.  + Gợi hình ảnh con đường cách mạng, con đường kháng chiến của cả dân tộc đã đi qua. Con đường ấy đầy gập ghềnh, gian khổ, hy sinh nhưng nay đã thu được thành quả ngọt ngào. Kháng chiến thành công, ta về lại thủ đô, dành lại giang sơn gấm vóc. Con đường ấy “rộng thênh thang tám thước”, “tinh khôi màu đất đỏ tươi” gợi ra tiền đồ rộng mở, đầy hứa hẹn cho đất nước  *?Hình ảnh* ***con đường*** *có mối liên hệ với những hình ảnh nào khác trong đoạn trích?*  - Hình ảnh con đường có mối liên hệ chặt chẽ với hai hình ảnh khác là hình ảnh “đất nước” và “ta”  ***Câu 2:***  *Khung cảnh đất nước ngày độc lập được tác giả gợi lên qua những hình ảnh thơ nào?( qua các địa danh, qua hình ảnh đẹp của cách mạng, qua khung cảnh quê hương sau chiến tranh).*  *Gợi ý: Theo dõi khổ thơ 3,4: Khung cảnh quê hương sau chiến tranh được gợi nhắc qua những hình ảnh thơ nào? Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ này?Nêu tác dụng?*  - Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên, Sông Lô, bến nước Bình Ca, Phú Thọ, Trung Hà, Hưng Hóa, khu Ba, khu Bốn, Sông Thao,...  - Các địa danh gợi ra hình ảnh đất nước mênh mông, rộng lớn, to đẹp, huy hoàng. Tổ quốc “đẹp vô cùng” với những rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt hương thơm; với dòng sông nắng chói, bến nước rạt rào.  - Các địa danh cũng gắn liền với những chiến thắng lẫy lừng trong cuộc kháng chiến chống Pháp**,** gợi lại bao kỉ niệm của một thời gian khổ mà nghĩa tình từ những phong trào tiền khởi nghĩa (Bắc Sơn) đến căn cứ cách mạng (Thái Nguyên) rồi những chiến thắng (sông Lô, bến Bình Ca) và đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, kết thúc cuộc kháng chiến.  Hình ảnh “đất nước” gắn liền với hình ảnh đẹp đẽ của cách mạng, kháng chiến, của lãnh tụ Hồ Chí Minh: “cờ đỏ bay quanh tóc bạc Bác Hồ”  =>đó là hình ảnh đất nước đã hồi sinh, đổi thịt thay da, đẹp tươi, rạng rỡ bước vào thời kỳ độc lập, tự do.  **Khung cảnh quê hương sau chiến tranh**  **+ Bầu trời mùa thu:** xanh thắm, trong sáng tuyệt trần.  + Hình ảnh “**tháng tám mùa thu”** không chỉ tả trời thu nay 8/1954 mà còn gợi thời điểm mùa thu cách mạng năm 1945, để từ đó như nhân đôi niềm vui độc lập và cho thấy được cả quá trình kháng chiến gian khổ dài lâu của cả dân tộc ta.  + Những **“hắc ám”** tối tăm của những năm tháng nô lệ lầm than đã qua, bầu trời trong sáng, thắm xanh gợi niềm vui ngày hòa bình độc lập; niềm tin vào một tương lai tươi sáng cho toàn dân tộc.  + Biện pháp liệt kê: mẹ già vui trở lại, tre đã mọc lại, chuối đã xanh chồi, trâu được ra bãi ra đồi, tiếng hát vang trên cánh đồng quê hương, trường mới được dựng lên, đứng giữa đồi quang và tiếng hát em thơ thánh thót quanh làng =>gợi tả khung cảnh làng quê thanh bình yên ả, nhịp sống thường ngày đã trở lại.   * Làng quê đã hồi sinh sau chiến tranh, con người và sự vật lại tràn đầy sức sống   Khung cảnh quê hương hồi sinh sau chiến tranh  Dấu ấn của kẻ thù: “bốt đồn Tây đã cuốn sạch rồi”, “giặc chạy rồi”, “chúng nó chẳng còn mong giội lửa”  => những dấu ấn của kẻ thù, của đau thương tàn phế đã không còn.  Cùng sự hồi sinh của đất nước, là sự hồi sinh của làng quê, của biết bao kiếp người (từ mẹ già tới em thơ) được sung sướng, được tự do  **Câu 3:**  Nhìn lại chặng đường kháng chiến, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì? Cảm xúc này được bộc lộ qua những yếu tố nào? Em có nhận xét gì về đại từ “ta”. Cuộc kháng chiến đã qua hiện lên như thế nào trong hình dung của nhà thơ?  **Ta** đi giữa ban ngày  Trên đường cái, ung dung **ta** bước.  Đường **ta** rộng thênh thang tám thước  ...Đẹp vô cùng, Tổ quốc **ta** ơi!  ...Đường **ta** đó, tự do cuồn cuộn  ...Mây của **ta**, trời thắm của **ta**  ...Trên đường **ta** về lại Thủ đô  ...Tre làng **ta** lại mọc  Chuối vườn **ta** xanh chồi  Trâu **ta** ra bãi ra đồi  Đồng **ta** lại hát hơn mười năm xưa...  **Đại từ xưng hô “ta”**  + Là cái tôi riêng của cá nhân nhà thơ: ta đi, ta bước  => tình cảm cá nhân hòa trong cảm xúc chung của cả dân tộc trong ngày đất nước độc lập, tự do.  + Là cái “ta” chung của mọi người: đừơng ta, tổ quốc ta, mây của ta, trời thắm của ta, làng ta, trâu ta, đồng ta,...  => Các danh từ chỉ sự vật đi kèm với đại từ “ta” vừa gợi lên sự gần gũi, thân thuộc, vừa thể hiện niềm tự hào khi làm chủ thiên nhiên( mây, trời của ta), làm chủ quê hương (làng ta, tổ quốc ta), làm chủ cuộc sống của mình( vườn ta, trâu ta, đồng ta)  **Ai qua** Phú Thọ  **Ai xuôi** Trung Hà  **Ai về** Hưng Hoá  **Ai xuống** khu Ba  **Ai vào** khu Bốn  ....................  **Ai về** Hà Nội thì xuôi cùng thuyền.  Đại từ phiếm chỉ “ai” gắn liền với các động từ “qua, xuôi, về, xuống, vào” cùng các địa danh từ Bắc chí Nam muốn gợi lên hình ảnh của nhân dân những con người đã giành lại được tự do, giành lại quyền làm chủ quê hương và cuộc đời mình.  =>Những con người ấy náo nức niềm vui, ngược xuôi khắp miền đất nước để chứng kiến non sông đẹp đẽ đã về ta. | **2. Hình ảnh trung tâm của bài thơ**  - Hình ảnh trung tâm của bài thơ là hình ảnh *“con đường”*  -> Phép điệp ngữ, liệt kê: “đường” kết hợp với phép liệt kê: đường cái, đường ta, đường Bắc Sơn, đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên, đường cách mạng, đường dài kháng chiến, đường xuôi về biển. đường về lại thủ đô, đường tự do cuồn cuộn. ..  **->Ý nghĩa của hình ảnh “con đường”:**  + Gợi hình ảnh những con đường dọc ngang đất nước**,** nối liền núi sông rừng biển, gắn kết miền ngược - miền xuôi, mở ra rộng dài đất nước. Con đường từ đông sang tây, từ Bắc vào Nam, tiến về thủ đô Hà Nội trong ngày giải phóng.  + Gợi hình ảnh con đường cách mạng, con đường kháng chiến của cả dân tộc đã đi qua. Con đường ấy đầy gập gềnh, gian khổ, hy sinh nhưng nay đã thu được thành quả ngọt ngào. Kháng chiến thành công, ta về lại thủ đô, giành lại giang sơn gấm vóc. Con đường ấy “*rộng thênh thang tám thước”, “tinh khôi màu đất đỏ tươi*” gợi ra tiền đồ rộng mở, đầy hứa hẹn cho đất nước  ***-* Hình ảnh đất nước hiện lên qua các địa danh trên mọi miền quê xứ sở như**: Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên, Sông Lô, bến nước Bình Ca, Phú Thọ, Trung Hà, Hưng Hóa, khu Ba, khu Bốn, Sông Thao,...  -> Liệt kê  -> đó là hình ảnh đất nước đã hồi sinh, đổi thịt thay da, đẹp tươi, rạng rỡ bước vào thời kỳ độc lập, tự do.  **- Khung cảnh quê hương sau chiến tranh**  + Bầu trời mùa thu: xanh thắm, trong sáng tuyệt trần.  +Hình ảnh “tháng tám mùa thu” không chỉ tả trời thu nay 8/1954 mà còn gợi thời điểm mùa thu cách mạng năm 1945, để từ đó như nhân đôi niềm vui độc lập và cho thấy được cả quá trình kháng chiến gian khổ dài lâu của cả dân tộc ta.  + Những **“hắc ám”** tối tăm của những năm tháng nô lệ lầm than đã qua, bầu trời trong sáng, thắm xanh gợi niềm vui ngày hòa bình độc lập; niềm tin vào một tương lai tươi sáng cho toàn dân tộc.  + Biện pháp liệt kê: mẹ già vui trở lại, tre đã mọc lại, chuối đã xanh chồi, trâu được ra bãi ra đồi, tiếng hát vang trên cánh đồng quê hương, trường mới được dựng lên, đứng giữa đồi quang và tiếng hát em thơ thánh thót quanh làng  -> gợi tả khung cảnh làng quê thanh bình yên ả, nhịp sống thường ngày đã trở lại. Làng quê đã hồi sinh sau chiến tranh, con người và sự vật lại tràn đầy sức sống.  - Dấu ấn của kẻ thù: “bốt đồn Tây đã cuốn sạch rồi”, “giặc chạy rồi”, “chúng nó chẳng còn mong giội lửa”  ->những dấu ấn của kẻ thù, của đau thương tàn phế đã không còn.  => Cùng sự hồi sinh của đất nước, là sự hồi sinh của làng quê, của biết bao kiếp người (từ mẹ già tới em thơ) được sung sướng, được tự do  - **Cảm xúc của nhà thơ:**  **Ta** đi giữa ban ngày  Trên đường cái, ung dung **ta** bước.  Đường **ta** rộng thênh thang tám thước  ...Đẹp vô cùng, Tổ quốc **ta** ơi!  ...Đường **ta** đó, tự do cuồn cuộn  ...Mây của **ta**, trời thắm của **ta…**  **Đại từ xưng hô “ta”:**  + Là cái tôi riêng của cá nhân nhà thơ: ta đi, ta bước  -> tình cảm cá nhân hòa trong cảm xúc chung của cả dân tộc trong ngày đất nước độc lập, tự do.  + Là cái “ta” chung của mọi người: đừơng ta, tổ quốc ta, mây của ta, trời thắm của ta, làng ta, trâu ta, đồng ta,...  => Các danh từ chỉ sự vật đi kèm với đại từ “ta” vừa gợi lên sự gần gũi, thân thuộc, vừa thể hiện niềm tự hào khi làm chủ thiên nhiên (mây, trời của ta), làm chủ quê hương (làng ta, tổ quốc ta), làm chủ cuộc sống của mình (vườn ta, trâu ta, đồng ta)  + Niềm xúc động trào dâng, niềm vui sướng ngập tràn hình ảnh quê hương được giải phóng, bao kiếp người được hồi sinh.  + Niềm tự hào cùng niềm tin bất diệt vào tương lai tươi sáng của đất nước. |
| a, Mục tiêu: Hs Tìm hiểu nội dung phần 2  b) Tổ chức thực hiện:  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Đọc phần 2. Trong phần hai của văn bản, tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào? Chỉ ra tác dụng của chúng. Từ đó em hãy cho biết nhà thơ đã trình bày bày tỏ suy nghĩ gì chặng đường sắp tới của dân tộc ta?  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản.  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Dự kiến sp:**  **\*\***ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC  Cấu trúc **điệp ngữ**: “Ai đi, ai vô, ai về, ai lên” kết hợp với **biện pháp liệt kê**  **Hàng loạt các địa danh đã được nhắc đến**  **+ Nam Bộ** (Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ**( Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên** (Kon Tum, Đắc Lắc)  \*\*ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG  => mỗi địa danh vang lên đều đẹp đẽ (rực rỡ tên vàng), đều gần gũi thân thương như một phần máu thịt không thể cắt chia (nơi chôn rau cắt rốn, khúc ruột miền Trung, quê hương ta tha thiết)  **+ Nam Bộ**( Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ**( Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên**( Công Tum, Đắc Lắc)  **\*\* Suy nghĩ về chặng đường sắp tới của dân tộc**  + Tổ quốc vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng, đất nước chưa được thống nhất.  + Đoạn thơ như lời nhắn nhủ với đồng chí đồng bào, nói lên ước vọng tha thiết muốn trở về quê hương, mong ngày đất nước thống nhất, non sông liền một giải. Đó vừa là nhiệm vụ vừa là khát vọng của cả dân tộc.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Ước mong thống nhất đất nước và suy nghĩ cho chặng đường sắp tới của dân tộc**  Cấu trúc **điệp ngữ**: “Ai đi, ai vô, ai về, ai lên” kết hợp với biện pháp liệt kê  Hàng loạt các địa danh đã được nhắc đến  **+ Nam Bộ** (Tiền Giang, Hậu Giang, Thành Phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp)  **+ Nam Trung Bộ** (Nam- Ngãi, Bình- Phú, Khánh Hòa, Phan Rang, Phan Thiết)  + Cho đến **Tây Nguyên** (Kon Tum, Đắc Lắc)  => mỗi địa danh vang lên đều đẹp đẽ (rực rỡ tên vàng), đều gần gũi thân thương như một phần máu thịt không thể cắt chia (nơi chôn rau cắt rốn, khúc ruột miền Trung, quê hương ta tha thiết)  **\*\* Suy nghĩ về chặng đường sắp tới của dân tộc**  + Tổ quốc vẫn chưa được hoàn toàn giải phóng, đất nước chưa được thống nhất.  + Đoạn thơ như lời nhắn nhủ với đồng chí đồng bào, nói lên ước vọng tha thiết muốn trở về quê hương, mong ngày đất nước thống nhất, non sông liền một giải. Đó vừa là nhiệm vụ vừa là khát vọng của cả dân tộc. |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\**** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát đề tài chủ đề của bài thơ?  **III/ TỔNG KẾT**  **Đề tài:**  + Cách mạng và kháng chiến  + Đất nước  + Tình yêu đất nước  **Chủ đề:** Bài thơ thể hiện niềm vui sướng, tự hào trước hình ảnh đất nước độc lập, tự do sau những năm tháng kháng chiến chống Pháp gian khổ, trường kỳ, đồng thời bộc lộ khát vọng thống nhất đất nước của nhà thơ và mỗi người dân Việt Nam.  **1. Nghệ thuật**  -Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.  - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật như hoán dụ, nhân hóa “những bàn chân” nhằm nhấn mạnh sức mạnh, ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất của đất nước Việt Nam, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến.  - So sánh (ta – rắn như thép, vững như đồng, cao như núi, dài như sông)  - Biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc “Ai…”, “Đường…”  **2. Nội dung**  Bài thơ Ta đi tới của Tố Hữu nói về ý chí kiên cường, bất khuất, sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến. Qua đó, thể hiện sự tự hào trước những chiến công và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc ta | **III/ TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  -Thể thơ tự do, phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.  - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật như hoán dụ, nhân hóa “những bàn chân” nhằm nhấn mạnh sức mạnh, ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất của đất nước Việt Nam, của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến.  - So sánh (ta – rắn như thép, vững như đồng, cao như núi, dài như sông)  - Biện pháp nghệ thuật điệp cấu trúc “Ai…”, “Đường…”  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện niềm vui sướng, tự hào trước hình ảnh đất nước độc lập, tự do sau những năm tháng kháng chiến chống Pháp gian khổ, trường kỳ, đồng thời bộc lộ khát vọng thống nhất đất nước của nhà thơ và mỗi người dân Việt Nam. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Ý nghĩa nhan đề bài thơ ?  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Nhan đề bài thơ “Ta đi tới” thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.  + Nhan đề thể hiện sự tự do, chứa đựng những cảm xúc thời đại, và có tính biểu tượng cao.  + Nhan đề vừa ngợi ca chiến thắng, niềm tự hào, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tới.  =>  Đây là một nhan đề độc đáo, gây ấn tượng với người đọc. | **Bài tập:Ý nghĩa nhan đề bài thơ**  + Nhan đề ngắn gọn, hàm súc mà chứa đựng cảm xúc chủ đạo của bài thơ  + Nhan đề gợi **hình ảnh của một con người**, một dân tộc đi ra khỏi những tháng năm nô lệ lầm than, đang **hiên ngang kiêu hãnh bước trên con đường** đến tương lai.  + Nhan đề **gợi ra cảm xúc**: **niềm vui sướng**, **tự hào**, cả một **niềm tin** mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của cách mạng và đất nước. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hãy chỉ ra sự kết nối về nội dung của văn bản thơ với chủ đề **“Câu chuyện của lịch sử”** ở bài 1

+ Văn bản “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” đã tái hiện hào khí Đông A vang dội của lịch sử nhà Trần trong giai đoạn kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

+ Trích đoạn “Quang Trung đại phá quân Thanh” khắc họa hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung anh dũng lẫm liệt trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược.

+ Đoạn trích “Ta đi tới” đã tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy máu lửa, đau thương nhưng cũng rất đỗi tự hào của dân tộc ta- thời kỳ kháng chiến chống Pháp- nhưng dưới hình thức một bài thơ tự do

Mỗi văn bản bằng hình thức đặc trưng của thể loại, đã thể hiện một cách đầy tự hào truyền thống dựng nước, giữ nước của cha ông ta. Để qua đó, thế hệ trẻ ngày hôm nay thêm trân trọng, biết ơn và ý thức được trách nhiệm của mình với non sông đất nước

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\*Hướng dẫn về nhà:**

- Hoc kĩ bài, hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Viết bài văn kể lại một chuyến đi

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**II.2. VIẾT**

**TIẾT 10-11-12: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI**

**(THAM QUAN MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy ghi lại thông tin ngắn gọn về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa mà em đã được tham gia vào phiếu dưới đây?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Di tích lịch sử văn hóa đó tên là..........  Địa chỉ ở............... | Điều em ấn tượng nhất ở khu di tích lịch sử văn hóa đó ........................... | Cảm xúc của em sau mỗi chuyến đi là.................... |

Ví dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Di tích lịch sử văn hóa đó tên là Hoàng Thành Huế  Địa chỉ ở Kinh Thành Huế | Điều em ấn tượng nhất ở khu di tích lịch sử văn hóa đó là kiến trúc bề thế, uy nghi cùng không khí cổ xưa trầm mặc của khu vực Đại Nội. | Một chuyến đi đáng nhớ và nhiều ý nghĩa. Để lại nhiều dư âm và hoài niệm trong em. |

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**Ghi lại ngắn gọn như vậy là chúng ta đã có cách để lưu giữ lại những khoảnh khắc đẹp đẽ trong mỗi chuyến đi. Nhưng nếu chỉ thế này thôi thì những cảnh tượng, những sự việc, những cảnh mà chúng ta gặp, những người mà chúng ta trò chuyện, những câu chuyện mà chúng ta được lắng nghe, những hiểu biết mà chúng ta thu nhận trên cuộc hành trình ấy nhiều khi chúng ta sẽ bị lãng quên, vơi hụt dần đi. Và để chúng ta sẽ không bị lãng quên, vơi hụt cho những chuyến đi rất quan trọng như thế thì một trong những cách thức để lưu giữ lại những ấn tượng và kỷ niệm đó, những thông tin thu hoạch đó, đây chính là cách mà chúng ta phải viết lại một bài. Có thể là một vài trang nhật ký, có thể là một bài văn để kể lại chuyến hành trình đó cũng như là chúng ta chia sẻ về điều mà chúng ta thu nhận được, cái tâm đắc của chúng ta khi chúng ta đi tham quan với người thân và người bạn nào đó chúng ta viết lại để kể về chuyến đi này và ngày hôm nay nội dung của bài viết của chúng ta chính là nội dung ấy **VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI (THAM QUAN MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA)**

**2. Hoạt động 2+ 3: Hình thành kiến thức mới + Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| a) Mục tiêu: học sinh xác định kiểu bài cần viết.  b) Tổ chức thực hiện: | **1. Xác định kiểu bài cần viết** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**: Xác định kiểu bài và đặc điểm của kiểu bài.   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu bài** | Viết bài văn kể lại một chuyến đi(tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) thuộc kiểu bài:............... | | **Đặc điểm** | + Đối tượng:..........................................  + Mục đích:............................................. |   **Bước 2:** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | + **Kiểu bài:** Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa) thuộc **kiểu bài văn tự sự** có sự kết hợp các yếu tố **thuyết minh, miêu tả và biểu cảm**.  **+ Đối tượng :** một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa của em.  **+ Mục đích:** Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm qua chuyến đi, từ đó thu hút sự quan tâm của mọi người về di tích lịch sử, văn hóa của dân tộc. |
| a) Mục tiêu: học sinh xác định yêu cầu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử  b) Tổ chức thực hiện:  - Hình thức: Cặp đôi  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Yêu cầuđối vớibàivăn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Yêu cầu cụ thể** | | Về hình thức |  | | Nội dung |  |   **Bước 2:** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3**: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Yêu cầu bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)**  **- Hình thức:**  + Đảm bảo cấu trúc ba phần: mở bài- thân bài- kết bài. Kể lại chuyến đi theo ngôi kể thứ nhất.  + Bài văn được tạo thành từ các đoạn văn, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ với nhau.  + Diễn đạt mạch lạc, trôi chảy, không mắc các lỗi dùng từ, đặt câu.  - **Về nội dung:**  + Giới thiệu thông tin khái quát về chuyến tham quan: thời gian, địa điểm, lý do, mục đích.  + Kể lại được diễn biến của chuyến tham quan: trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi....  + Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích: phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,... |
| a. Mục tiêu: học sinh Phân tích bài viết tham khả  b. Tổ chức thực hiện:  - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:** Phân tích nội dung bài viết tham khảo:  **Câu 1**: Nêu nội dung của phần mở bài? Đoạn văn mở bài đã trình bày những nội dung cụ thể gì?  **Câu 2:** Nêu phạm vi phần thân bài? Cho biết các sự việc được chính được kể trong phần thân bài, các sự việc này được kể theo trình tự nào? Tìm các câu văn, từ ngữ cho thấy người viết đã kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm. Việc kết hợp các yếu tố đó có tác dụng gì?  **Câu 3:** Trong phần kết bài, người viết đã trình bày như thế nào về ý nghĩa của chuyến đi? Từ bài viết trên, em rút ra được lưu ý gì khi viết bài văn kể lại một chuyến đi?  **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Phân tích bài viết tham khảo** |
| **Câu 1:** Vịtrí của phần mở bài: đoạn văn đầu tiên  Nội dung đoạn văn mở bài:  + Giới thiệu thời gian, địa điểm tham quan: **“***Chủ nhật tuần này, lớp mình sẽ tham quan khu lưu niệm nhà tưởng niệm Nguyễn Du”.*  + Mục đích chuyến tham quan: giúp học sinh biết yêu mến và tự hào về một trong những địa chỉ văn hóa quan trọng- nơi gìn giữ những dấu tích và hiện vật liên quan tới nhà thơ vĩ đại.  + Nêu cảm xúc của mình khi được đi tham quan: *háo hức*  **Câu 2: Vị trí của phần thân bài:**  Từ “Ba chiếc xe khách....ngôi mộ ốp đá vuông vắn, giản dị của nhà thơ vĩ đại”( Gồm 8 đoạn văn)  **Các sự việc chính được kể trong phần thân bài:**  + Diễn biến trên đường đi và khi vừa đặt chân đến nơi (đoạn văn số 1,2)  + Thăm nhà trưng bày hiện vật và nghe hướng dẫn viên giới thiệu về các hiện vật gắn liền với sự nghiệp sáng tạo văn chương của Nguyễn Du đoạn văn 3,4,5,6.  + Tham quan khu vườn trong khu di tích, thắp hương lại nhà thơ Nguyễn Du, chụp ảnh lưu niệm (đoạn văn số 7)   * Các sự việc được kể lại theo trình tự thời gian và không gian.   **- Những câu văn kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả:**  + Bức tượng Nguyễn Du “tay cầm bút lông, nét mặt suy tư, được đặt trên một bệ cao.  + Các vật trưng bày “ không hề có cái vẻ sang trọng, xa hoa mà đều khá giản dị, nhỏ gọn”.  + Bức tranh treo tường “mang vẻ đẹp thâm trầm, cổ kính; những ngôi nhà gỗ sinh xắn, mái cong lợp ngói, bốn phía hành lang tợp bóng cây xanh thật mát mẻ, yên tĩnh”  + **Khuôn viên khu vườn của khu di tích:** “giữa khu vườn mênh mông, theo những lối nhỏ như ô bàn cờ, lát gạch đỏ, hai bên là từng hàng nguyệt quế xén vuông tăm tắp”  + **Khu mộ của đại thi hào:** “con đường dải nhựa quanh khoảng 3km... khoảng đất vuông bốn phía bao bởi tường thấp... một nhà bia nhỏ bốn mái, không tường...ngôi mộ ốp đá vuông vắn, giản dị của nhà thơ vĩ đại”  **- Những câu văn kết hợp giữa kể chuyện với biểu cảm:**  “Cảm thấy thật gần gũi... Tôi rất thích hai bức tranh treo hai phía của bức tường”; “ độc đáo hơn cả có lẽ là độc bản Truyện Kiều viết tay trên giấy khổ lớn.... Cuốn sách kỳ lạ đó..”.  => Yếu tố miêu tả và biểu cảm hỗ trợ cho việc kể chuyện. Cụ thể, yếu tố miêu tả khiến không gian, sự vật trong bài văn trở nên sinh động, rõ nét và dễ hình dung hơn, yếu tố  biểu cảm giúp bài văn có chiều sâu cảm xúc, thể hiện rõ thái độ suy nghĩ của người viết với đối tượng.  **Câu 3: Phần kết bài**  **Đoạn văn cuối cùng**  Nêu cảm xúc, suy nghĩ về chuyến tham quan: “ai cũng trầm lắng hơn”, “những cảnh vật được ngắm nhìn hôm nay cũng lại hiện ra rõ mồn một trong tâm trí tôi, như một cuốn phim quay chậm” |  |
| **Từ bài viết tham khảo, rút ra lưu ý về cách viết bài văn kể lại một chuyến đi.**  + Bố cục đảm bảo ba phần, mỗi phần thực hiện đúng nhiệm vụ của chúng.  + Thuật lại các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian hoặc trình tự không gian.  + Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  + Kết hợp với miêu tả và biểu cảm nhằm hỗ trợ cho việc kể chuyện. |  |
| a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng bài tập  b) Tổ chức thực hiện:  - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Bước chuẩn bị cần có những bước cụ thể gì? **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Quy trình viết bài văn tự sự**  **Bước 1: Trước khi viết**  **a, Lựa chọn đề tài:**  - Liệt kê một số chuyến tham quan, dã ngoại mà em được đến các di tích lịch sử, văn hóa rồi lựa chọn một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc.  - Chuyến đi được kể nên là:  + Chuyến đi có nhiều điều thú vị độc đáo, mang lại cho em nhiều cảm xúc, hiểu biết và bài học và ấn tượng tốt đẹp.  + Địa danh (di tích lịch sử văn hóa) đến tham quan có nhiều điểm thú vị, hấp dẫn (về cảnh quan, về lịch sử, về ý nghĩa giá trị ,...và em có hiểu biết nhất định về địa danh đó.  **b, Tìm ý**  **- Thông tin chung:**  + Tên địa điểm  + Thời gian  + Mục đích  **- Người tổ chức**  + Diễn biến chuyến đi  + Trên đường đi  + Các hoạt động tham quan  **- Đối tượng tham quan**  + Cảnh thiên nhiên  + Kiến trúc  + Hiện vật  **- Tình cảm**  + Cảm xúc  + Hiểu biết  + Ẩn tượng  **+ Lập dàn ý**  **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan địa điểm tham quan, người tổ chức, đối tượng tham gia, thời gian tổ chức và cảm xúc của em khi được tham gia chuyến đi. **Thân bài:**  + Kể lại cụ thể diễn biến chuyến tham quan.  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc, con người, lịch sử....)  **Kết bài:** Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến đi tham quan. |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Khi viết bài cần lưu ý điều gì? **Bước 2:** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3**: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 2: Viết bài**  1. Bám sát dàn ý đã lập được triển khai bài viết.  2. Sắp xếp các sự việc trong chuyến đi theo trình tự thời gian diễn ra cũng như từng không gian cụ thể của di tích. 3. Kết hợp giữa việc kể hoạt động với tả, thuyết minh về đặc điểm của di tích. Thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trước các sự việc, đặc điểm được trình bày.  4. Đảm bảo các chi tiết miêu tả, các thông tin cung cấp về di tích cần chính xác.  5. Lựa chọn những hoạt động tiêu biểu, những đặc điểm ấn tượng, nổi bật của di tích để trình bày trong bài văn.  6. Lời văn cần ngắn gọn, hàm súc. Không kể lễ dài dòng, không tham gia giới thiệu, thuyết minh về kiến trúc, lịch sử.  7. Những suy nghĩ, cảm xúc thể hiện trong bài cần chân thành, gắn liền với đặc điểm của di tích, không viết chung chung, sáo rỗng. |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cần kiểm tra và chỉnh sửa như thế nào? **Bước 2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  Bước 3:  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bước 3: Kiểm tra và chỉnh sửa.**  **Dựa vào bảng kiểm:** |
| **BẢNG KIỂM**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đảm bảo kết cấu của một bài văn với ba phần mỗi đoạn văn được mở đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng. |  |  | | Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt. |  |  | | Nội dung bài viết đã đúng yêu cầu của bài: chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa. |  |  | | Diễn biến của buổi tham quan đã được nêu đầy đủ theo trình tự thời gian hoặc không gian. |  |  | | Đã sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật đặc điểm ấn tượng của khu di tích. |  |  | | Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được nói tới. |  |  | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - Hình thức: Cá nhân  - Kĩ thuật: Động não  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Lập dàn ý cho đề văn: Viết bài văn kể về một chuyến tham quan tới cụm di tích cầu Hiền Lương- sông Bến Hải  Gv: Đó là những địa điểm lịch trình trong sổ tay tham quan di tích lịch sử cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Hôm trước học bài thơ “Ta đi tới” của nhà thơ Tố Hữu chúng ta thấy rằng sau năm 1954 hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc nước ta được giải phóng nhưng miền Nam vẫn chưa được thống nhất. Bắc Nam lúc đó bị chia đôi lấy giới tuyến là vĩ tuyến 17 để ngăn cách đất nước và vĩ tuyến 17 cũng chính là trùng với vị trí của cây cầu Hiền Lương nằm ở huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị. Nửa ở phía Bắc thuộc sự quản lý của chính quyền ta còn ở nửa ở miền Nam trong sự quản lý của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Trong suốt những năm tháng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cây cầu Hiền Lương đã trở thành đường giới tuyến phân tách giữa miền Bắc và miền Nam, nó đánh giấu nỗi đau của đất nước trong những ngày tháng bị chia cắt.Và cũng chính nơi đây đã chứng kiến bao nhiêu những câu chuyện, những chiến công của nhân dân, của lực lượng công an nhân dân của những người bộ đội trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, trong việc thể hiện khát khao thống nhất đất nước. Hãy đến một lần với cụm di tích Hiền Lương sông bến Hải chúng ta sẽ được nghe kể những câu chuyện, xem những hiện vật để chúng ta cảm nhận rõ hơn về sự trân quý của độc lập tự do ngày hôm nay. Và cụ thể đến đó chúng ta sẽ được tham quan trải nghiệm những điều gì chúng ta sẽ cùng đi lập dàn ý  **Bước 2:** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:** Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Đề bài:** Lập dàn ý cho đề văn: Viết bài văn kể về một chuyến tham quan tới cụm di tích cầu Hiền Lương- sông Bến Hải  **Gợi ý một số sự việc chính:**  **Mở bài:**  **+** Giới thiệu chung về chuyến tham quan: do nhà trường tổ chức cho học sinh toàn trường.  **+ Mục đích:** giáo dục truyền thống yêu nước, khát vọng hòa bình thống nhất non sông và sự hy sinh của các thế hệ cha ông.  + **Thời gian:** chiến đi diễn ra đúng dịp kỷ niệm ngày thống nhất đất nước 30/4.  **+ Cảm xúc** khi được tham gia chuyến đi: háo hức, mong chờ  **Thân bài:**  **-** Kể về diễn biến của chuyến đi kết hợp với việc giới thiệu, miêu tả về những đặc điểm ấn tượng của khu di tích.  **+ Trên đường đi:** đoàn được anh hướng dẫn viên giới thiệu những thông tin khái quát về cầu Hiền Lương, tổ chức thi hát các bài hát cách mạng tạo không khí vô cùng sôi nổi.  **+ Ấn tượng ban đầu khi đến khu di tích:** rộng rãi, thoáng đãng với nhiều khu vực tham quan.  + Đoàn tiến hành nghi lễ chào cờ thiêng liêng ngay dưới chân cột cờ bên bờ bắc sông bến Hải.  + Sau đó đoàn được nghe cô hướng dẫn viên khu di tích giới thiệu về cột cờ cùng những câu chuyện liên quan đến quá trình “chọi cờ” đầy căng thẳng trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Nhìn lá cờ tung bay trên bầu trời xanh bao la, em không khỏi cảm thấy tự hào và trân quý vô cùng cuộc sống hòa bình hôm nay.  + Đoàn đến thăm cột loa phóng thanh và nghe thuyết trình về cuộ “ đấu loa” giữa hai bờ giới tuyến.  + Thăm tượng đài chiến sĩ công an bảo vệ giới tuyến và nghe kể về những chiến công anh dũng của các chiến sĩ công an để vừa đảm bảo an ninh vừa bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.  + Đoàn được dẫn đi tham quan cầu Hiền Lương. Cây cầu được sơn hai màu xanh trắng dài 178m, là nhân chứng cho nỗi đau chia cắt đất nước và khát vọng thống nhất giang sơn của cha ông ta suốt 20 năm. Bước từng bước chân trên cây cầu lịch sử nghe những câu chuyện về việc sơn cầu, bảo vệ cầu của nhân dân, chiến sĩ ta mà không khỏi xúc động cảm phục các thế hệ cha ông.  + Ở bờ nam cây cầu là tượng đài khát vọng thống nhất non sông, tạc hình người phụ nữ cùng đứa con đứng hướng về phía Bắc mong ngóng được đoàn tụ với người thân, đất nước được thống nhất.  **- Kết bài:** Chuyến đi cho em hiểu thêm về cây cầu Hiền Lương cùng những trang sử đau thương hào hùng của dân tộc, càng **khâm phục sự dũng cảm**, thông minh cùng ý chí, khát vọng thống nhất non sông của các thế hệ cha ông. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Làm thế nào để có một chuyến đi tham quan các di tích lịch sử hiệu quả , bổ ích và ý nghĩa?

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Trước chuyến đi:**

+ Tìm hiểu thông tin về di tích lịch sử, văn hóa đó trên các phương tiện kết nối internet.

+ Đặt câu hỏi về các vấn đề có liên quan đến lịch sử của khu di tích.

+ Hãy ghi chú lại những câu hỏi này để có thể tìm lời giải đáp sau khi đến thăm khu di tích

**Trong chuyến đi:**

+ Quan sát không gian, khung cảnh thiên nhiên, kiến trúc và các hiện vật có trong khu di tích.

+ Đặt những câu hỏi em đã ghi chú với các cô chú hướng dẫn viên của khu di tích.

+ Có thể sử dụng điện thoại, giấy ghi chú để lưu lại những khoảnh khắc đẹp ở khu di tích

**Sau chuyến đi:**

+ Sắp xếp lại các tư liệu em đã ghi chú/ chụp lại sau buổi tham quan.

+ Viết bài thu hoạch hoặc báo cáo theo yêu cầu (nếu có) của thầy cô.

+ Chia sẻ với người thân, bạn bè về cảm xúc, ý nghĩa của em sau chuyến đi.

\***Hướng dẫn về nhà:**

+ Hoàn thành bài tập

+ Chuẩn bị bài “ Nói và Nghe”

**Rút kinh nghiệm:**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**III. 3. NÓI VÀ NGHE**

**TIẾT 13**

**NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY BÀI GIỚI THIỆU NGẮN VỀ**

**MỘT CUỐN SÁCH (CUỐN TRUYỆN LỊCH SỬ)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy nêu cảm nhận của bản thân về trang lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam, sau khi xem xong video

- GV chiếu video về một câu chuyện lịch sử Việt Nam:

<https://www.youtube.com/watch?v=vqvXYvF4Yes>

**\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát lắng nghe

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

**2. Hoạt động 2:Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được yêu cầu của bài nói.  b) Tổ chức thực hiện: | **I. YÊU CẦU CỦA BÀI NÓI** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, thời gian và không gian nói   |  |  | | --- | --- | | Đề tài |  | | Mục đích |  | | Người nghe |  | | Địa điểm |  | | Thời gian trình bày bài nói. |  |  * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  | | --- | --- | | Đề tài | Trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử | | Mục đích | Cung cấp thông tin cơ bản về một cuốn truyện lịch sử, khơi gợi hứng thú ở người nghe và khuyến khích họ tìm đọc tác phẩm. | | Người nghe | Những người yêu thích truyện lịch sử hoặc quan tâm đến cuốn truyện lịch sử được giới thiệu. | | Địa điểm | Trong lớp học, trong gia đình, trong buổi trò chuyện với bạn bè. ... | | Thời gian trình bày bài nói. | Trình bày bài nói trong khoảng năm đến bẩy phút. | |  |
| a) Mục tiêu: học sinh nắm được chuẩn bị trước khi nói cần những gì?  b) Tổ chức thực hiện: | **II. CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NÓI** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trước khi nói, em cần lưu ý điều gì?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Để thực hiện tốt bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử, cần chuẩn bị nội dung theo một trong hai phương án sau đây:  *- Phương án thứ nhất*: Trình bày bài nói trên cơ sở bài viết đã thực hiện. Với phương án này, em cần tóm lược nội dung bài viết thành dàn ý bài nói, gồm đầy đủ các phần. Ghi chú những điểm cần nhấn mạnh trong cách mở đầu, triển khai và kết luận để gây ấn tượng cho người nghe.  + Cần lưu ý chuyển từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói.  + Ghi những từ ngữ, câu văn quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày (câu giới thiệu cuốn truyện; các từ ngữ thể hiện đúng thông tin về cuốn truyện; những câu văn bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của em đối với những khía cạnh gây ấn tượng của cuốn truyện;…).  *- Phương án thứ hai*: Chưa có bài viết giới thiệu về cuốn truyện. Trước hết, em cần tìm đọc một số cuốn truyện lịch sử, chọn một cuốn em cảm thấy có hứng thú để giới thiệu. (Gợi ý những cuốn truyện em có thể đọc: Tiêu Sơn tráng sĩ của Khái Hưng; Đêm hội Long Trì, An Tư của Nguyễn Huy Tưởng; Núi rừng Yên Thế của Nguyễn Hồng; Trên sông truyền hịch, Người Thăng Long của Hà Ân;…). Sau khi đọc kĩ cuốn truyện, em hãy lập dàn ý bài nói với các nội dung cơ bản sau đây:  + Giới thiệu chung về cuốn truyện (tên truyện, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số trang,…).  + Giới thiệu nội dung cuốn truyện (thời kì lịch sử được tái hiện trong cuốn truyện, tóm lược cốt truyện, nêu các sự kiện gắn với nhân vật chính và các nhân vật có liên quan,…).  + Nhận xét ngắn gọn một số nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện (sự hấp dẫn của cách kể, cách khắc họa nhân vật, đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại,…).  + Nêu một vài suy nghĩ của em về cuốn truyện. |
|  | **III. TẬP LUYỆN TRƯỚC KHI NÓI**  + Tập luyện một mình.  + Tập luyện với người khác.  **Với bài** trình bày được bài giới thiệu ngắn về một cuốn truyện lịch sử,hình thức tập luyện tốt nhất là theo nhóm. Các thành viên luân phiên nói, nghe và góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm. |
|  | **IV. TRÌNH BÀY BÀI NÓI** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Những lưu ý khi triển khai trình bày bài.**  + Chú ý điều khiển giọng nói, tốc độ nói, cử chỉ, dáng điệu( nhất là ánh mắt, bàn tay) phù hợp với nội dung bài nói và tăng tính tương tác với người nghe.  + Kết hợp sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video, các vật dụng thực tế có liên quan đến vấn đề; kết hợp giữa lý lẽ, bằng chứng khách quan về cuốn truyện lịch sử | **Với người nói:**  **Quy trình triển khai bài nói:**  **Mở đầu:**  + Chào mọi người, giới thiệu vấn đề mình sẽ trình bày trong bài nói.  + Có thể bắt đầu bằng những hình ảnh, đoạn video ấn tượng; mở đầu bằng một câu chuyện; mở đầu bằng cách đặt câu hỏi cho người nghe … để dẫn dắt vào vấn đề.  + Nêu các thông tin chung về cuốn truyện.  **Triển khai:**  + Trình bày các nội dung chính; nêu một vài nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện.  - Lưu ý: Khi trình bày, cần chọn giọng nói phù hợp (giọng chia sẻ thân mật, giọng tâm tình,…), thể hiện các thông tin một cách chính xác. Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,…  + Sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như **trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy,** giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.  **Kết thúc:**  **+** Nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của cuốn truyện.  + Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý. |
| * **Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**   **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát lắng nghe  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Với người nghe:**  + Tập trung lắng nghe phần trình bày của bạn.  + Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày, đánh dấu những nội dung quan trọng, những điểm chính yếu của bài nói. + Quan sát cách thức trình bày và thái độ của bạn.  + Ghi lại những điều muốn trao đổi với bạn (góp ý, thảo luận thêm làm rõ vấn đề, phản đối quan điểm của bạn..) |
|  | **V. TRAO ĐỔI SAU KHI NÓI**  **Với người nói:**  + Tiếp thu những ý kiến mà em cho là xác đáng, có thể dùng cấu trúc câu: **cảm ơn ý kiến đóng góp của bạn, tôi sẽ tiếp thu để bàinói của mình hoàn thiện hơn.**  + Bổ sung lý lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu thấy ý kiến đó đúng, có thể dùng cấu trúc câu: cảm ơn bạn đã góp ý nhưng tôi xin bổ sung những lý lẽ bằng chứng để khẳng định cho quan điểm của mình….Tôi nghĩ rằng ý kiến của bạn chưa hợp lí bởi vì…..  **Với người nghe:**  Trao đổi, đánh giá những vấn đề sau đây để cùng rút kinh nghiệm:  - Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa?  - Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa?  - Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào?  - Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?  - Người nghe có thái độ như thế nào? Có nắm bắt được nội dung bài nói và nêu được ý kiến trao đổi không? |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Tiêu chí* | | *Chưa tốt* | *Tốt* | *Xuất sắc* |
| *Mở đầu* | *Có lời chào ban đầu và giới thiệu* |  |  |  |
| *Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói* |  |  |  |
| *Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)* |  |  |  |
| *Nội dung chính* | *Các thông tin chung về cuốn truyện đã được giới thiệu rõ ràng chưa?* |  |  |  |
| *Nội dung bài nói đã làm rõ được những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của cuốn truyện chưa?* |  |  |  |
| *Cảm xúc, suy nghĩ của người nói về cuốn truyện được thể hiện như thế nào?* |  |  |  |
| *Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?* |  |  |  |
| *Kết thúc* | *Khẳng định được vấn đề của bài nói* |  |  |  |
| *Rút ra được bài học nhận thức, hành động* |  |  |  |
| *Kỹ năng trình bày* | *Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói* |  |  |  |
| *Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói* |  |  |  |
| *Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe* |  |  |  |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**  Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử)  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Gv quan sát, lắng nghe.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II, LUYỆN TẬP**  Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử) |
| **1, Mở đầu:**  + Em xin chào các thầy cô giáo và các bạn!  + Em xin được trình bày bài giới thiệu ngắn về Tác phẩm “Sử Việt – 12 khúc tráng ca”  **2, Triển khai:** + Trình bày các nội dung chính; nêu một vài nét nổi bật về nghệ thuật của cuốn truyện.  Tác phẩm “Sử Việt – 12 khúc tráng ca” kể về 12 câu chuyện dựng nước và giữ nước thời phong kiến, được chọn lọc theo tính chất quan trọng và hùng tráng trong dòng chảy lịch sử Việt Nam.  Cuốn sách là sự kết hợp của những tư liệu lịch sử đã được kiểm chứng, xen kẽ với nhận định và đánh giá của người biên soạn. Tác phẩm kể lại các câu chuyện Sử Việt đầy hấp dẫn bằng một cách tiếp cận hoàn toàn mới, không phải như tiểu thuyết dã sử, nhưng cũng không phải là một tài liệu chuyên khảo khô khan.  Đây là cuốn sách lịch sử Việt Nam dành cho tất cả mọi thế hệ. Bởi chỉ cần là người Việt Nam, thì đều có thể tìm kiếm được trong đây tình yêu với sử nhà bởi tính chất hấp dẫn, bi hùng và những bài học của tiền nhân để lại thông qua những câu chuyện đặc sắc.  Không chỉ đưa người đọc đến với những vị anh hùng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo… cuốn sách còn đến với những nhân vật quan trọng chưa được đánh giá đúng mực (Khúc Hạo), hay những địa danh bị bụi phủ mờ (thành Bình Lỗ, đầm Thi Nại), càng không chỉ nói sơ qua chiến tích ở Bạch Đằng, mà còn giúp hiểu thêm kĩ thuật đóng cọc trên sông. Bên cạnh giải đáp chuyện bí ẩn Quang Trung hành quân thần tốc, còn lý giải vì sao lãnh thổ dân tộc có diện mạo hình chữ S như ngày hôm nay.  **3, Kết thúc.**  **+** Nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của cuốn truyện: Sử Việt – 12 khúc tráng ca” hệt như một cuốn phim li kì, với hàng loạt câu hỏi về các nghi án lịch sử, những tranh đoạt hoàng quyền trong các triều đại phong kiến Việt Nam. Cuốn sách lịch sử Việt Nam này như một bản nhạc, khi thì dồn dập, khi thì bi ai, khi thì hùng tráng, khi thì trầm mặc. Những câu chuyện trập trùng xen kẽ như các khúc ca thăng trầm của dân tộc Việt Nam.  + Cảm ơn mọi người đã lắng nghe và xin ý kiến trao đổi, góp ý. | |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Từ ngữ địa phương của ba miền.

d) Tổ chức thực hiện:

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:** Hãy trao đổi với các bạn trong nhóm về cuốn truyện lịch sử mà mình yêu thích.

**- Gv chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Hs thực hiện nhiệm vụ:**

**Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe.

- Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà:** Học kĩ bài, hoàn thiện bài tập

- Chuẩn bị bài sau:..

**\* Rút kinh nghiệm:**